Bản tin

Khuyến nông Việt Nam

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 01 | 2026

Khuyến nông Việt Nam 1993

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
PGS.TS. Lê Quốc Thanh

BAN BIÊN TẬP
ThS. Hoàng Văn Hồng
TS. Lê Minh Lịnh
TS. Huỳnh Kim Định
ThS. Đỗ Phan Tuấn
ThS. Nguyễn Bá Tiến
TS. Nguyễn Thị Hải
TS. Hoàng Tuyển Phương
ThS. Đặng Xuân Trường
TS. Nguyễn Đức Hải
ThS. Doãn Văn Chiến

THƯ KÍ BIÊN TẬP
ThS. Đỗ Thị Việt Oanh

TRỤ SỞ TÒA SOẠN
16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
ĐT: 024. 3728 2485
Email: tthlknqg@gmail.com
Website: khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản
số 26/GP-XBBT
ngày 22 tháng 6 năm 2026
Số lượng: 3.000 bản/số
Nơi in: Công ty Cổ phần In Hà Nội

Bìa 1: Nâng tầm sầu riêng Việt.
Ảnh: CTV

TRONG SỐ NÀY

Thông tin chủ trương, chính sách nông nghiệp và môi trường

1. Đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói
3. Kế hoạch quốc gia phòng, chống các bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng và Dịch tả lợn châu Phi

Hoạt động khuyến nông

5. Khởi động dự án Vừng: "Cú hích" chiến lược nâng tầm chuỗi giá trị nông sản Việt - Hàn
8. Khuyến nông cơ sở thích ứng với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp
10. Thúc đẩy hợp tác khuyến nông và chuyển giao công nghệ nông nghiệp Việt Nam – Angola
12. Nuôi gà 18M1 tạo sinh kế bền vững cho người dân vùng đất cách mạng
14. Khuyến nông cộng đồng – hạt nhân của phát triển sinh kế dưới tán rừng ngập mặn
16. Khuyến nông Lào Cai thúc đẩy phát triển chè hữu cơ
18. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong xây dựng mô hình khuyến nông tại Gia Lai

Sự kiện khuyến nông

20. Người nông dân chuyên nghiệp: tư duy mới – cách làm mới – giá trị mới
22. Người nông dân chuyên nghiệp – chủ thể của phát triển nông nghiệp hiện đại
24. Chuyển đổi số và quản lý phát thải: Nền tảng phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp

Xây dựng Nông thôn mới

26. Mường Bo – vượt khó xây dựng nông thôn mới

Mô hình, điển hình tiên tiến

28. Từ lớp tập huấn khuyến nông đến mô hình trồng dược liệu theo chuỗi giá trị
29. Hiệu quả kinh tế của cây hồng không hạt ở Tuyên Quang
30. Khởi nghiệp bền vững từ nghề nuôi hươu sao truyền thống
32. Hành trình đánh thức "lộc trời" nơi bãi bồi ven sông

Khoa học kỹ thuật và công nghệ

34. Giảm stress nhiệt cho lợn trong mùa nắng nóng
36. Một số lưu ý về quản lý và chăm sóc thủy sản nuôi ao/ hồ trong mùa mưa lũ
38. Kỹ thuật thâm canh tổng hợp cho cây mít vùng trồng chính ở các tỉnh phía Nam
44. **Tin thị trường**

hiepln - 09/09/2026 09:02:04 - hiepln - hiepln - hiepln

ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số quy định về nguyên tắc, hồ sơ, trình tự, thẩm quyền cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói tại Nghị định số 38/2026/NĐ-CP nhằm cắt giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, truy xuất nguồn gốc và phát triển xuất khẩu nông sản.

Việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói được thực hiện toàn trình trên môi trường mạng

Về nguyên tắc đơn giản hóa thủ tục hành chính, Nghị quyết quy định tổ chức, cá nhân tự kê khai, tự chịu trách nhiệm; giảm thời gian, giảm chi phí tuân thủ, không phát sinh thủ tục hành chính mới, bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, đóng gói sản phẩm cây trồng.

Thủ tục cấp mã số gắn với cơ chế hậu kiểm, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và truy xuất nguồn gốc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc tiền kiểm chỉ áp dụng đối với trường hợp nước nhập khẩu có yêu cầu về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. Đây là bước chuyển quan trọng từ tiền kiểm sang hậu kiểm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời giảm áp lực về thủ tục cho tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh đó, Nghị quyết khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã và tổ hợp tác liên kết sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn để thuận lợi trong việc cấp mã số vùng trồng, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa và xuất khẩu.

Một số quy định về cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

Theo Nghị quyết, mã số vùng trồng được cấp cho một loại cây trồng xác định theo vị trí của một hoặc nhiều thửa đất theo đề nghị của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình. Mã số vùng trồng không xác lập, không thay thế quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân.

Vị trí thửa đất được xác định theo mã định danh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Trường hợp chưa có hoặc chưa thể khai thác mã định danh thửa đất, tổ chức, cá nhân được tự kê khai diện tích, vị trí vùng trồng và Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo xác nhận thông tin trong quá trình kiểm tra thực tế hoặc hậu kiểm. Quy định này tạo điều kiện để người dân tiếp cận thủ tục thuận lợi hơn, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý.

Toàn bộ dữ liệu về mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói được quản lý tập trung trên Hệ thống xử lý nghiệp vụ và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời kết nối, chia sẻ với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản và các cơ sở dữ liệu liên quan theo quy định của pháp luật. Việc quản lý tập trung bằng dữ liệu số góp phần nâng cao tính minh bạch, tăng cường khả năng truy xuất nguồn gốc và phục vụ công tác quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước.

Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

Một trong những điểm đổi mới quan trọng của Nghị quyết là đơn giản hóa thành phần hồ sơ. Theo đó, hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng hoặc mã số cơ sở đóng gói chỉ gồm đơn đề nghị theo mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết, thay vì nhiều loại giấy tờ như trước đây.

Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ đến UBND cấp xã nơi có vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến các thị trường có yêu cầu về mã số, thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp đăng ký xuất khẩu đến các thị trường có yêu cầu về mã số, thời gian giải quyết không quá 10 ngày làm việc, trong đó cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thị trường nhập khẩu trước khi cấp mã số hoặc trình cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu xem xét, phê duyệt khi cần thiết.

Đối với những thị trường yêu cầu nước nhập khẩu phê duyệt mã số, cơ quan chuyên môn đầu mối cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp danh sách, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để chuyển nước nhập khẩu xem xét theo quy định. Nội dung kiểm tra tập trung vào tính chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ và việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của nước nhập khẩu.

Nghị quyết cũng quy định thủ tục đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu đối với vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã số; thủ tục cấp lại mã số khi thay đổi thông tin về tổ chức, cá nhân đại diện hoặc do thay đổi địa giới hành chính. Trong trường hợp Cổng Dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc tổ chức, cá nhân chưa thể nộp hồ sơ trực tuyến, UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ bằng bản giấy và cập nhật dữ liệu lên hệ thống ngay sau khi hệ thống hoạt động bình thường.

Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/7/2026 đến khi Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2026/NĐ-CP có hiệu lực.

Với những đổi mới về phương thức quản lý, đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết, đẩy mạnh số hóa và phân cấp cho cấp xã, Nghị quyết được kỳ vọng sẽ tạo bước chuyển mạnh mẽ trong công tác quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản Việt Nam.

BBT

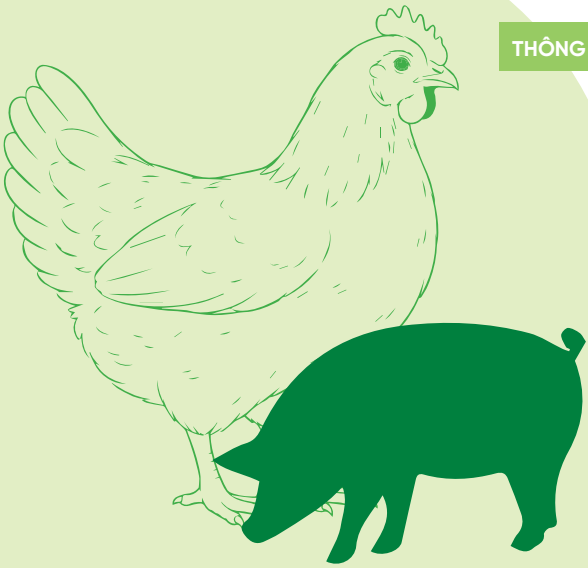

KẾ HOẠCH QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG CÁC BỆNH CÚM GIA CẦM, LỞ MỒM LONG MÓNG VÀ DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Ngày 02/5/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đã ký Quyết định số 779/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch quốc gia phòng, chống các bệnh Cúm gia cầm (CGC), Lở mồm long móng (LMLM) và Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) giai đoạn 2026–2030. Kế hoạch đặt mục tiêu xây dựng hệ thống phòng, chống dịch bệnh động vật hiện đại, chủ động, hiệu quả; giảm thiểu thiệt hại do dịch bệnh gây ra, góp phần phát triển ngành chăn nuôi theo hướng an toàn, bền vững và hội nhập quốc tế.

Tăng cường năng lực phòng, chống dịch bệnh để phát triển ngành chăn nuôi an toàn, bền vững.

Theo Kế hoạch, mục tiêu tổng quát là nâng cao năng lực quản lý, giám sát, cảnh báo sớm, xét nghiệm, điều tra dịch tễ, thực hành chăn nuôi an toàn sinh học, tiêm phòng, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh. Qua đó từng bước hình thành hệ thống phòng, chống dịch bệnh động vật đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và đáp ứng yêu cầu phát triển ngành chăn nuôi trong giai đoạn mới.

Kế hoạch cũng hướng tới việc chủ động phát hiện sớm, cảnh báo và xử lý kịp thời các ổ dịch; giảm thiểu tác động của các bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng và Dịch tả lợn châu Phi đối với sản xuất chăn nuôi, sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm, môi trường và hoạt động thương mại.

Phấn đấu giảm ít nhất 30% số ổ dịch

Một trong những mục tiêu quan trọng của Kế hoạch là giảm tối thiểu 30% số ổ dịch của cả ba bệnh trọng điểm so với các giai đoạn trước. Cụ thể, giảm ít nhất 30% số ổ dịch Cúm gia cầm so với bình quân giai đoạn 2019-2025; giảm tối thiểu 30% số ổ dịch Lở mồm long móng và số gia súc buộc phải tiêu hủy so với giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời giảm tối thiểu 30% số ổ dịch và số lợn phải tiêu hủy do Dịch tả lợn Châu Phi so với giai đoạn 2020 - 2025.

Để đạt được mục tiêu trên, Kế hoạch xác định các chỉ tiêu quốc gia là căn cứ để UBND các tỉnh, thành phố xây dựng mục tiêu và lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Việc xác định chỉ tiêu cần dựa trên nguy cơ dịch bệnh, quy mô đàn vật nuôi, điều kiện chăn nuôi, năng lực nguồn lực và định hướng phát triển sản xuất của từng địa phương, đồng thời bảo đảm đóng góp vào mục tiêu chung của cả nước.

Triển khai đồng bộ 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp

Kế hoạch đề ra 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm: hoàn thiện thể chế; phát triển chăn nuôi an toàn sinh học; phòng bệnh bằng vắc-xin; giám sát dịch bệnh; xử lý ổ dịch; kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ và vệ sinh thú y; xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh; tăng cường chẩn đoán, xét nghiệm, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức; mở rộng hợp tác quốc tế.

Trong đó, chăn nuôi an toàn sinh học được xác định là giải pháp nền tảng để phòng, chống dịch bệnh hiệu quả. Việc tổ chức thực hiện sẽ theo chuỗi giá trị, phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, quy mô và phương thức chăn nuôi; ưu tiên triển khai tại các cơ sở chăn nuôi tập trung, khu vực có nguy cơ cao, địa bàn biên giới, nơi có hoạt động vận chuyển, buôn bán động vật lớn và những vùng từng xảy ra dịch bệnh.

Bên cạnh đó, các địa phương được khuyến khích lồng ghép, huy động hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

Đẩy mạnh thực hành chăn nuôi an toàn sinh học

Đối với hộ chăn nuôi và trang trại, Kế hoạch yêu cầu áp dụng đồng bộ các biện pháp an toàn sinh học như quản lý tốt con giống, thức ăn, nước uống; thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng định kỳ; xử lý chất thải và xác động vật đúng quy định; kiểm soát người và phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi; không sử dụng thức ăn thừa chưa qua xử lý; đồng thời khai báo kịp thời khi phát hiện vật nuôi có biểu hiện bệnh hoặc chết bất thường.

Đối với các trang trại quy mô lớn, ngoài những yêu cầu trên còn phải tăng cường cách ly, kiểm soát động vật trung gian truyền bệnh, truy xuất nguồn gốc, quản lý nội bộ về an toàn sinh học và thực hiện đầy đủ các hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y.

Kế hoạch cũng yêu cầu các địa phương tổ chức thường xuyên các đợt tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng tại cơ sở chăn nuôi, chợ buôn bán động vật sống, cơ sở giết mổ, phương tiện vận chuyển và các khu vực có nguy cơ cao nhằm hạn chế sự lưu tồn và phát tán của mầm bệnh trong môi trường.

Tiêm phòng vắc-xin theo đánh giá nguy cơ

Bên cạnh an toàn sinh học, tiêm phòng vắc-xin tiếp tục là giải pháp quan trọng trong phòng, chống dịch bệnh. Việc xây dựng kế hoạch tiêm phòng phải căn cứ vào đánh giá nguy cơ, đặc điểm dịch tễ, cơ cấu đàn vật nuôi, kết quả giám sát lưu hành vi-rút, hiệu lực của vắc-xin và hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành.

Triển khai đồng bộ tiêm phòng và xử lý ổ dịch để nâng cao hiệu quả phòng, chống dịch

Đối với bệnh Dịch tả lợn châu Phi, việc lựa chọn loại vắc-xin phải dựa trên loại vắc-xin được phép lưu hành, đối tượng sử dụng và kết quả giám sát dịch tễ để bảo đảm hiệu quả phòng bệnh.

Kế hoạch nhấn mạnh việc tiêm phòng cần được triển khai đồng bộ với các biện pháp an toàn sinh học, giám sát dịch bệnh, kiểm soát vận chuyển, kiểm soát giết mổ và xử lý ổ dịch. Chỉ khi kết hợp đồng bộ các giải pháp mới có thể nâng cao hiệu quả phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

Việc ban hành Kế hoạch quốc gia phòng, chống các bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng và Dịch tả lợn Châu Phi giai đoạn 2026 - 2030 là bước đi quan trọng nhằm tăng cường năng lực phòng, chống dịch bệnh động vật trong bối cảnh ngành chăn nuôi đang phát triển theo hướng hiện đại, an toàn và bền vững. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần bảo vệ sản xuất, ổn định sinh kế của người chăn nuôi và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chăn nuôi Việt Nam.

BBT

KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN VỪNG: "CÚ HÍCH" CHIẾN LƯỢC NÂNG TẦM CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN VIỆT – HÀN

Sáng ngày 08/5/2026, tại Hội nghị khởi động Dự án hỗ trợ kỹ thuật "Nâng cao năng suất và tăng cường chuỗi giá trị vừng tại Việt Nam", Trung tâm Khuyến nông quốc gia đã chính thức bấm nút kích hoạt một hành trình mới cho cây vừng Việt Nam. Đây không chỉ là một dự án hợp tác kỹ thuật đơn thuần mà còn là mô hình mẫu trong việc hiện đại hóa để nâng tầm giá trị nông sản truyền thống.

Đánh thức "hạt ngọc" từ tiềm năng bản địa

Vừng (mè) từ lâu đã được coi là cây trồng "cứu cánh" cho những vùng đất khó, nhờ khả năng chịu hạn phi thường và sự thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, trong nhiều thập kỷ, cây vừng vẫn loay hoay trong vòng xoáy của sự sản xuất nhỏ lẻ, manh mún. Việc thiếu hụt nguồn giống chuẩn, công nghệ sơ chế lạc hậu và đặc biệt là sự đứt gãy trong chuỗi liên kết đã khiến hạt vừng Việt Nam, dù chất lượng thơm ngon đặc trưng, vẫn chưa thể bứt phá tại các thị trường cao cấp.

Trong bối cảnh đó, sau nhiều năm chuẩn bị - từ tháng 11 năm 2024, Dự án "Nâng cao năng suất và tăng cường chuỗi giá trị vừng tại Việt Nam" đã được triển khai với mục tiêu nhằm cải thiện công nghệ canh tác và chuỗi giá trị vừng sau thu hoạch, kiện toàn và tăng cường năng lực cho các tổ chức nông dân (tổ hợp tác, hợp tác xã, hội nông dân...). Dự án được tài trợ bởi Chính phủ Hàn Quốc thông qua Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Phát triển nông thôn Hàn Quốc (MAFRA) và Cộng đồng Phát triển Nông thôn Hàn Quốc (KRC).

Điểm đáng chú ý là sự lựa chọn địa điểm triển khai mang tính đại diện: tỉnh Nghệ An - "thủ phủ" vừng của miền Trung và tỉnh Đồng Tháp – vùng đất sen hồng năng động của Đồng bằng sông Cửu Long. Việc triển khai dự án tại hai địa phương này sẽ tạo ra hiệu quả bổ trợ lẫn nhau về điều kiện vùng miền và khí hậu, từ đó hứa hẹn mang lại những thành quả phong phú hơn. Quy mô dự án không chỉ dừng lại ở các ruộng mô hình mà bao phủ toàn diện hệ sinh thái từ việc xây dựng các khu nhân giống quy mô lớn (10.000m^2), thiết lập hệ thống máy móc cơ giới hóa đồng bộ, đến xây dựng các nhà máy sơ chế, ép dầu công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế.

Trung tâm Khuyến nông quốc gia: Kiến tạo chuỗi giá trị vừng hiện đại

Với vai trò là đầu mối triển khai dự án, Trung tâm Khuyến nông quốc gia đã thể hiện rõ tư duy của một "kiến trúc sư" trưởng. Thay vì tiếp cận theo hướng hỗ trợ nông nghiệp truyền thống (chỉ hỗ trợ giống và kỹ thuật canh tác), Trung tâm đã thiết lập một mô hình liên kết đa tầng nhằm nâng cao năng suất ở tất cả các công đoạn của ngành

Các đại biểu bấm nút khởi động dự án

vừng, từ cung cấp giống, canh tác, quản lý sau thu hoạch cho đến sản xuất sản phẩm, phân phối và quảng bá.

Chuẩn hóa đầu vào và quy trình canh tác:

Trung tâm đã phối hợp chặt chẽ với các chuyên gia Hàn Quốc và các viện nghiên cứu tại Việt Nam để chọn lọc và đưa vào sản xuất những bộ giống vừng có hàm lượng tinh dầu cao, năng suất vượt trội. Việc thiết lập khu nhân giống chuẩn là bước đi căn cơ để giải quyết bài toán "gốc" của ngành hàng: sự đồng nhất về chất lượng nguyên liệu – điều kiện tiên quyết để bước chân vào thị trường Hàn Quốc.

Đột phá công nghệ chế biến sâu:

Dự án này đã chú trọng đầu tư các mô hình trình diễn chế biến hiện đại ngay tại vùng nguyên liệu. Nông dân và các hợp tác xã được chuyển giao quy trình ép dầu lạnh, lọc tinh và đóng gói đạt chuẩn xuất khẩu. Điều này giúp gia tăng giá trị sản phẩm lên gấp 5-7 lần, so với phương thức chỉ bán nông sản thô như trước đây.

Khuyến nông là cầu nối quan trọng:

Thông qua hệ thống khuyến nông các địa phương triển khai dự án sẽ thành lập các tổ hợp tác/hợp tác xã để trực tiếp đảm nhận toàn bộ quá trình từ sản xuất, chế biến đến phân phối, giúp chính người nông dân chủ động vận hành chuỗi giá trị này. Dự án sẽ đào tạo, tập huấn cho hơn 2.000 lượt cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông, công ty chế biến vừng, cán bộ quản lý hợp tác xã và nông dân. Sau khi dự án kết thúc, các hợp tác xã sẽ trực tiếp tổ chức sản xuất, vận hành chế biến, nhằm bảo đảm tính bền vững lâu dài của dự án.

Ông Phạm Ngọc Mậu, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế chia sẻ: Đáng chú ý, đây là mô hình hợp

Những kỳ vọng từ dự án:

Ông Kim Hyun Woo, Tùy viên Nông nghiệp - Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam: Dự án không chỉ góp phần hình thành một ngành công nghiệp vừng mới tại Việt Nam mà còn có khả năng thu hút thêm đầu tư từ Chính phủ và các tổ chức tư nhân trong tương lai. Qua đó, Dự án có thể trở thành mô hình ODA tiêu biểu và giàu ý nghĩa trong hợp tác nông nghiệp giữa hai nước.

Bà Võ Thị Nhung, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An: Dự án sẽ trở thành động lực thúc đẩy mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất và từng bước hình thành chuỗi giá trị vừng bền vững.

Ông Lê Chí Thiện, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Đồng Tháp: Dự án sẽ trở thành chìa khóa giúp tái cấu trúc ngành hàng vừng theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng. Đồng Tháp cam kết phối hợp chặt chẽ với các đơn vị triển khai, tạo điều kiện về hạ tầng, thủ tục và logistics để Dự án đạt hiệu quả, hướng tới khôi phục cây vừng thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của địa phương.

tác ODA không chỉ dừng ở hỗ trợ thiết bị hay đào tạo kỹ thuật mà hướng tới xây dựng một hệ sinh thái sản xuất - chế biến - tiêu thụ bền vững, có khả năng nhân rộng sau khi Dự án kết thúc.

Thương hiệu dầu vừng "Hosame": Giá trị tinh thần làm nên sức mạnh kinh tế

Trong chiến lược phát triển thương hiệu của dự án đã đưa ra định hướng đầy nhân văn

và mang tính biểu tượng cao: Xây dựng thương hiệu dầu vừng chất lượng cao gắn liền với tên tuổi và quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là "Hosame", trong đó "Ho" lấy theo họ Bác Hồ, "same" có nghĩa là hạt vừng/mè. Bao bì sản phẩm được thiết kế gần gũi, với cảm hứng từ hình ảnh ngôi nhà của Bác Hồ ở Kim Liên - Nghệ An, cùng với hình ảnh ruộng vừng. Trọng lượng là 195 gam cũng hàm ý độc đáo khi lấy theo ngày sinh nhật của Bác Hồ.

Việc xây dựng một thương hiệu nông sản gắn với vị lãnh tụ của dân tộc và địa danh lịch sử này không chỉ là sự tri ân, mà còn là một bảo chứng về đạo đức kinh doanh và chất lượng sản phẩm. Một chai dầu vừng được sản xuất tại quê Bác, với sự hỗ trợ công nghệ từ người bạn Hàn Quốc, sẽ mang trong mình câu chuyện văn hóa sâu sắc. Đây chính là "giấy thông hành" mạnh mẽ nhất để sản phẩm chiếm trọn niềm tin của người tiêu dùng trong nước và tạo sức hút đặc biệt trên kệ hàng quốc tế.

Ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia khẳng định: Dự án không chỉ là xây dựng công trình hay lắp đặt thiết bị, mà là tạo dựng niềm tin và lan tỏa tri thức. Kết quả lớn nhất mà chúng tôi mong muốn là định vị được chuỗi giá trị sản xuất vừng mới trong nông nghiệp, tạo sinh kế bền vững cho người dân và mở ra hướng phát triển mới cho ngành hàng vừng Việt Nam. Chúng tôi cam kết triển khai dự án một cách minh bạch, hiệu quả nhất để mỗi hạng mục đều hướng đến mục tiêu cuối cùng: giá trị thực cho người sản xuất. Dự án vừng Việt - Hàn chắc chắn sẽ là "cú hích" chiến lược, không chỉ cho một ngành hàng, mà còn cho cả tư duy làm kinh tế nông nghiệp của nông dân Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

THU HẰNG - BẢO TOÀN
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

KHUYẾN NÔNG CƠ SỞ THÍCH ỨNG VỚI MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Việc triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đang mở ra giai đoạn chuyển đổi quan trọng đối với hệ thống khuyến nông cơ sở. Không chỉ thay đổi về tổ chức bộ máy, mô hình mới còn đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ về phương thức hoạt động, nâng cao năng lực đội ngũ và tăng cường vai trò đồng hành cùng nông dân trong phát triển sản xuất.

Theo định hướng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hệ thống khuyến nông được tổ chức theo hướng "gần dân, sát dân, trực tiếp phục vụ nhân dân", gắn chặt với cơ sở và đồng ruộng. Theo quy định tại Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT, khuyến nông cấp xã được bố trí trong Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công cấp xã và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền địa phương. Đây được xem là bước chuyển quan trọng nhằm đưa hoạt động khuyến nông trở thành một nhiệm vụ thường xuyên, thiết thực của chính quyền cơ sở.

Trong mô hình mới, cán bộ khuyến nông không chỉ thực hiện chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mà còn trực tiếp hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, chuyển đổi sinh kế, xây dựng chuỗi liên kết, tiếp cận thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp. Việc kiện toàn hệ thống theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa cấp tỉnh và cấp xã được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng cho phát triển nông nghiệp bền vững và nâng cao đời sống người dân.

Song hành với việc sắp xếp tổ chức, các tổ khuyến nông cộng đồng tiếp tục được xác định là lực lượng nòng cốt tại cơ sở. Đến năm 2025,

Cán bộ Khuyến nông đến tận cơ sở trực tiếp hướng dẫn người dân phát triển sản xuất

cả nước đã thành lập hơn 5.180 tổ với gần 47.500 thành viên, trực tiếp hỗ trợ nông dân trong tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, liên kết tiêu thụ và đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường. Việc tiếp tục củng cố lực lượng này sẽ góp phần chuẩn hóa đội ngũ khuyến nông, đồng thời bổ sung kiến thức về kinh tế, thị trường và chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Thực tiễn triển khai tại nhiều địa phương cho thấy mô hình mới đã từng bước đi vào hoạt động nhưng vẫn còn không ít khó khăn cần tháo gỡ. Nhiều ý kiến cho rằng lực lượng cán bộ khuyến nông cấp xã hiện vẫn còn mỏng, phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, trong khi yêu cầu công việc ngày càng lớn. Bên cạnh đó, năng lực tiếp cận công nghệ mới, nguồn kinh phí hoạt động và cơ chế phối hợp ở cơ sở vẫn là những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện.

Tại Nghệ An, toàn bộ 130 xã, phường đã được bố trí cán bộ khuyến nông. Tuy nhiên, đội ngũ này vẫn phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyên môn ở từng lĩnh vực. Địa phương kiến nghị sớm thành lập các tổ khuyến nông cộng đồng nhằm bổ sung lực lượng hỗ trợ cho cán bộ khuyến nông tại các Trung tâm Dịch vụ công cấp xã.

Ở Hà Tĩnh, sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, 26 cán bộ khuyến nông cấp huyện được bố trí về công tác tại các xã, đồng thời địa phương đã xây dựng 169 tổ khuyến nông cộng đồng với hơn 1.500 thành viên. Tuy nhiên, việc tiếp cận công nghệ mới vẫn còn hạn chế, vì vậy nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ khuyến nông được địa phương đặc biệt quan tâm.

Thực tế tại Quảng Trị cũng phản ánh nhiều khó khăn khi cán bộ khuyến nông cấp xã phải làm việc trong mô hình trung tâm dịch vụ đa lĩnh vực, đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau trên địa bàn rộng, trong khi nguồn nhân lực và kinh phí dành cho hoạt động khuyến nông còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các hoạt động hỗ trợ nông dân và phát triển sản xuất tại cơ sở.

Theo định hướng của lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thời gian tới các địa phương cần tiếp tục xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho hệ thống khuyến nông cấp xã; tăng cường đào tạo, tập huấn chuyên môn; làm rõ chức năng, nhiệm vụ của lực lượng khuyến nông cơ sở; đồng thời phát huy vai trò của các tổ khuyến nông cộng đồng và cộng tác viên trong việc hỗ trợ sản xuất, giám sát tình hình dịch hại và kết nối người dân với các chương trình phát triển nông nghiệp. Đối với những địa bàn rộng hoặc thiếu nhân lực, cần tăng cường sự liên kết giữa các đơn vị khuyến nông để kịp thời hỗ trợ khi phát sinh các tình huống khẩn cấp.

Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định rõ yêu cầu chuyển đổi từ mô hình "khuyến nông kỹ thuật" sang "khuyến nông đa giá trị", lấy người nông dân làm trung tâm, gắn với kinh tế nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và chuyển đổi số. Trong bối cảnh đó, khuyến nông cơ sở không chỉ là lực lượng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mà còn là cầu nối giữa chính sách với thực tiễn, giữa sản xuất với thị trường, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển nông nghiệp hiện đại.

Việc tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ và phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống khuyến nông sẽ là nền tảng quan trọng để khuyến nông thực hiện tốt sứ mệnh đồng hành cùng nông dân trong giai đoạn phát triển mới.

VIỆT OANH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Đoàn công tác Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Cộng hòa Angola làm việc với Trung tâm Khuyến nông quốc gia

THÚC ĐẨY HỢP TÁC KHUYẾN NÔNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – ANGOLA

Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam từ ngày 15 đến ngày 22 tháng 6 năm 2026, Đoàn công tác Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Cộng hòa Angola do Bộ trưởng Isaac Francisco Maria dos Anjos dẫn đầu đã đến làm việc với Trung tâm Khuyến nông quốc gia.

Đây là một trong những hoạt động chuyên môn trọng tâm của chuyến công tác, diễn ra ngay sau cuộc hội đàm giữa Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Angola với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam.

Buổi làm việc tại Trung tâm Khuyến nông quốc gia nhằm cụ thể hóa Kế hoạch hành động hợp tác nông nghiệp giai đoạn 2025 - 2030 giữa Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Angola, được ký kết trong chuyến thăm cấp Nhà nước của Chủ tịch nước Lương Cường tới Angola vào tháng 8/2025 và chuyến làm việc của Nhóm Công tác hợp tác Nam-Nam trong lĩnh vực nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam vào tháng 12/2025.

Tại buổi làm việc, ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, Phó Trưởng nhóm Công tác hợp tác Nam - Nam nhấn mạnh nhiều nội dung hợp tác trọng tâm, trong đó khuyến nông, chuyển giao công nghệ và tổ chức sản xuất được xác định là những lĩnh vực ưu tiên trong khuôn khổ hợp tác Nam - Nam. Việt Nam không chỉ hỗ trợ kỹ thuật đơn lẻ mà sẽ đồng hành cùng Angola trong việc tổ chức hệ thống và phát triển nguồn nhân lực để áp dụng các quy trình công nghệ trong thực tiễn sản xuất của người dân Angola ngay cả khi dự án kết thúc.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Cộng hòa Angola - ông Isaac Francisco Maria dos Anjos bày tỏ sự quan tâm đặc biệt tới những kinh nghiệm thực tiễn của Việt Nam trong việc chuyển đổi từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh; xây dựng các chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông lâm thuỷ sản...

Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Lê Quốc Thanh tặng biểu tượng Khuyến nông Việt Nam tới Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Cộng hòa Angola

Hai bên đã trao đổi về kinh nghiệm xây dựng và vận hành hệ thống khuyến nông Việt Nam; cơ chế chuyển giao khoa học công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; vai trò của khuyến nông trong kết nối nghiên cứu - chuyển giao - sản xuất, hỗ trợ nông dân nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị nông sản. Thời gian tới, hai bên sẽ tập trung xây dựng mô hình trình diễn khuyến nông; đào tạo, tập huấn thực hành cho cán bộ kỹ thuật và nông dân Angola; phát triển mạng lưới khuyến nông từ trung ương đến cơ sở; đồng thời chia sẻ kinh nghiệm xây dựng mô hình liên kết nông hộ - hợp tác xã - doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

Đoàn công tác Angola sẽ tiếp tục làm việc với Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam về phát triển lâm nghiệp bền vững; Viện Khoa học Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc về sản xuất chè, cà phê và các cây trồng chủ lực; làm việc với UBND tỉnh Ninh Bình và các doanh nghiệp nhằm thúc đẩy hợp tác đầu tư; khảo sát các mô hình nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản và làm việc với Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long để tìm hiểu kinh nghiệm phát triển sản xuất lúa và các cây trồng chủ lực của Việt Nam.

Đặc biệt, Đoàn sẽ làm việc với Nhóm công tác Hợp tác Nam - Nam trong lĩnh vực nông nghiệp và tham gia các hoạt động kết nối với doanh nghiệp Việt Nam đang tìm kiếm cơ hội đầu tư, kinh doanh tại Angola. Những hoạt động này góp phần thúc đẩy triển khai các cam kết hợp tác giữa hai nước, hướng tới xây dựng các chương trình, dự án cụ thể, thiết thực và bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và khuyến nông.

Hai bên trao đổi về kinh nghiệm xây dựng và vận hành hệ thống khuyến nông Việt Nam

Chuyến thăm và làm việc của Đoàn Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Cộng hòa Angola thể hiện quyết tâm của Việt Nam và Angola trong việc tăng cường hợp tác nông nghiệp

NUÔI GÀ 18M1
TẠO SINH KẾ BỀN VỮNG CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐẤT CÁCH MẠNG

Ngày 3/7/2026, tại xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng, Trung tâm Khuyến nông và Giống nông lâm nghiệp tỉnh Cao Bằng cùng UBND xã Trường Hà tổ chức Hội nghị tổng kết mô hình chăn nuôi gà thương phẩm lông màu 18M1 theo hướng an toàn sinh học. Hội nghị là dịp đánh giá hiệu quả mô hình, đồng thời đề xuất các giải pháp nhân rộng nhằm phát triển chăn nuôi an toàn, nâng cao thu nhập và tạo sinh kế bền vững cho người dân địa phương.

Trao sinh kế trên vùng đất cội nguồn cách mạng

Mô hình chăn nuôi gà thương phẩm lông màu 18M1 theo hướng an toàn sinh học được triển khai tại xã Trường Hà là hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, tạo sinh kế bền vững nhân dịp kỷ niệm 85 năm Ngày Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/1/1941 - 28/1/2026).

Trong chuỗi hoạt động hướng về vùng đất cội nguồn cách mạng, Trung tâm Khuyến nông quốc gia đã phối hợp với địa phương triển khai nhiều mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao đời sống người dân, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường và phát huy tiềm năng sản xuất tại cơ sở. Trong đó, mô hình chăn nuôi gà thương phẩm lông màu 18M1 được thực hiện với quy mô 6.000 con, hỗ trợ đầy đủ con giống, thức ăn, vắc-xin, hóa chất sát trùng và chuyển giao quy trình kỹ thuật cho các hộ dân tham gia. Không chỉ giúp người dân tiếp cận giống mới và áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, mô hình còn góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao hiệu quả kinh tế và từng bước hình thành sinh kế bền vững cho đồng bào nơi địa đầu Tổ quốc.

Hiệu quả rõ nét từ mô hình

Mô hình được triển khai từ tháng 1 đến tháng 6/2026 tại các xóm Hòa Mục, Nà Mạ và Đôn Chương với sự tham gia của 64 hộ dân, quy mô 6.000 con gà thương phẩm lông màu 18M1. Các hộ được hỗ trợ con giống, thức ăn, vắc-xin, hóa chất sát trùng và hướng dẫn quy trình chăn nuôi an toàn sinh học. Nhờ đó, người dân từng bước hình thành thói quen chăm sóc đàn gà theo quy trình khoa học, từ vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng đến quản lý đàn vật nuôi.

Sau 5 tháng triển khai, mô hình đạt tỷ lệ nuôi sống 95,2%; khối lượng bình quân đạt 2,12 kg/con. Đàn gà sinh trưởng đồng đều, thích nghi tốt với điều kiện địa phương và không phát sinh dịch bệnh. Đặc biệt, hiệu quả kinh tế cao hơn 17,22% so với phương thức chăn nuôi đại trà, khẳng định tính phù hợp của quy trình chăn nuôi an toàn sinh học đối với điều kiện sản xuất tại Cao Bằng.

Qua kiểm tra thực tế tại hộ ông Lương Văn Đại (xóm Đôn Chương) và hộ ông Nông Văn Tuân (xóm Hòa Mục), đàn gà đều sinh trưởng, phát triển tốt; chuồng trại được vệ sinh, khử trùng thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu cơ bản về chăn nuôi an toàn sinh học. Kết quả này tạo thêm niềm tin để các hộ dân tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô sau khi mô hình kết thúc.

Mở rộng mô hình, hướng tới sinh kế bền vững

Tại hội nghị, các đại biểu, cán bộ kỹ thuật và người dân đã cùng trao đổi kinh nghiệm trong quá trình triển khai mô hình, từ khâu chuẩn bị chuồng trại, chăm sóc đàn gà, sử dụng thức ăn đến công tác tiêm phòng, vệ sinh và kiểm soát dịch bệnh. Các hộ dân đánh giá giống gà 18M1 có khả năng thích nghi tốt với điều kiện địa phương, tỷ lệ nuôi sống cao, chất lượng thịt phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Tuy nhiên, để duy trì và nhân rộng mô hình, người dân mong muốn tiếp tục được hỗ trợ về kỹ thuật, tiếp cận nguồn giống chất lượng và tăng cường kết nối với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở thu mua nhằm ổn định đầu ra cho sản phẩm.

Phát biểu tại hội nghị, ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương và tinh thần chủ động của các hộ dân trong quá trình thực

Giống gà 18M1 có khả năng thích nghi tốt với điều kiện địa phương, tỷ lệ nuôi sống cao

Đoàn công tác của Trung tâm Khuyến nông quốc gia kiểm tra mô hình

hiện mô hình. Theo ông, kết quả đạt được không chỉ thể hiện qua các chỉ tiêu về tỷ lệ nuôi sống, tăng trọng hay hiệu quả kinh tế mà quan trọng hơn là sự thay đổi trong nhận thức, kỹ năng và phương thức tổ chức sản xuất của người dân. Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp an toàn sinh học giúp người chăn nuôi chủ động phòng ngừa dịch bệnh, giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo nền tảng để phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, hiệu quả, bền vững.

Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia đề nghị địa phương tiếp tục đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, lựa chọn những hộ có đủ điều kiện để duy trì và mở rộng quy mô chăn nuôi. Đồng thời, cần thúc đẩy liên kết giữa người chăn nuôi với hợp tác xã, doanh nghiệp cung ứng vật tư và đơn vị tiêu thụ; từng bước xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm gà thương phẩm an toàn sinh học. Bên cạnh đó, các hộ dân cần liên kết thành tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc nhóm hộ để thống nhất quy trình sản xuất, thời điểm vào đàn và kế hoạch xuất bán, tạo điều kiện hình thành vùng chăn nuôi tập trung, ổn định nguồn cung và nâng cao khả năng tiếp cận thị trường.

Những kết quả bước đầu cho thấy mô hình chăn nuôi gà thương phẩm lông màu 18M1 theo hướng an toàn sinh học hoàn toàn phù hợp với điều kiện sản xuất tại xã Trường Hà. Khi được tổ chức theo chuỗi giá trị, gắn với liên kết tiêu thụ và kiểm soát chất lượng sản phẩm, mô hình sẽ không chỉ góp phần nâng cao thu nhập cho người dân mà còn mở ra hướng phát triển chăn nuôi hàng hóa an toàn, bền vững, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương.

BẢO TOÀN
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG – HẠT NHÂN CỦA PHÁT TRIỂN SINH KẾ DƯỚI TÁN RỪNG NGẬP MẶN

Trong chiến lược phát triển kinh tế xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu, Quảng Ninh đang từng bước khẳng định tư duy phát triển mới: lấy bảo tồn đa dạng sinh học làm nền tảng cho tăng trưởng bền vững. Trong đó, hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển không chỉ được nhìn nhận như "lá chắn sinh thái" trước thiên tai, nước biển dâng mà còn là không gian sinh kế giàu tiềm năng cho cộng đồng cư dân ven biển thông qua các mô hình khuyến nông cộng đồng gắn với kinh tế sinh thái. Nhiều mô hình sản xuất dưới tán rừng ngập mặn đang cho thấy hiệu quả rõ nét cả về kinh tế, môi trường và xã hội, mở ra hướng phát triển mới cho ngành nông nghiệp ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

Trong tiến trình chuyển đổi từ khai thác tự nhiên sang kinh tế sinh thái biển, hệ thống khuyến nông đang giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong tổ chức lại sản xuất, chuyển giao kỹ thuật và hình thành các mô hình sinh kế cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thực tế cho thấy nhiều mô hình dưới tán rừng ngập mặn đang mang lại hiệu quả tích cực. Mô hình nuôi hà treo dây tại xã Hoàng Tân, mô hình nuôi cua biển sinh thái vùng bãi triều hay mô hình đồng quản lý khai thác nhuyễn thể tự nhiên tại vùng đệm Vườn quốc gia Bái Tử Long đã giúp người dân từng bước chuyển từ khai thác tận diệt sang nuôi trồng bền vững. Điểm nổi bật của các mô hình này là tận dụng hệ sinh thái tự nhiên dưới tán rừng ngập mặn để giảm chi phí đầu vào, hạn chế ô nhiễm môi trường và phát huy giá trị nguồn gen thủy sản bản địa. Các loài bản địa như cua biển, cá song, hàu cửa

Trồng rừng ngập mặn tại Đồng Rui, Quảng Ninh

Kiểm tra trồng rừng bổ sung

sông, ngán hay sá sùng có khả năng thích nghi cao với điều kiện tự nhiên địa phương, sức chống chịu tốt với dịch bệnh và biến động môi trường nên phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái phát thải thấp.

Thời gian tới, khuyến nông cộng đồng sẽ tập trung các mô hình trọng điểm:

Mô hình nuôi thủy sản sinh thái dưới tán rừng ngập mặn. Theo đó, cộng đồng dân cư được hướng dẫn tổ chức nuôi theo nhóm hộ, tổ hợp tác; áp dụng quy trình nuôi sinh thái hạn chế hóa chất, tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên và kiểm soát môi trường vùng nuôi. Đây là mô hình vừa bảo vệ hệ sinh thái vừa tạo thu nhập ổn định cho người dân.

Mô hình phục hồi và khai thác bền vững nguồn gen thủy sản bản địa. Khuyến nông cộng đồng sẽ tham gia điều tra nguồn giống tự nhiên, phục hồi bãi sinh sản, hướng dẫn khai thác theo mùa vụ, hỗ trợ kỹ thuật ương nuôi bán tự nhiên và xây dựng sản phẩm OCOP từ nguồn lợi đặc hữu địa phương.

Mô hình "rừng ngập mặn – thủy sản – du lịch cộng đồng", người dân không chỉ nuôi trồng sinh thái mà còn phát triển các sản phẩm trải nghiệm như chèo kayak xuyên rừng sú, đánh bắt truyền thống hay khám phá hệ sinh thái đất ngập nước. Đây là giải pháp giúp gia tăng giá trị kinh tế trên cùng một không gian sinh thái đồng thời giảm áp lực khai thác tài nguyên tự nhiên.

Mô hình khuyến nông cộng đồng gắn với đồng quản lý tài nguyên ven biển, người dân sẽ trực tiếp tham gia giám sát nguồn lợi thủy sản, bảo vệ rừng ngập mặn, theo dõi môi trường nước và phục hồi sinh cảnh tự nhiên.

Trung tâm Khuyến nông và Quản lý bảo vệ, phát triển rừng Quảng Ninh sẽ trở thành hạt nhân trong phát triển kinh tế sinh thái cộng đồng. Trung tâm tập trung xây dựng các mô hình trình diễn tổng hợp "bảo tồn – sinh kế – thích ứng khí hậu"; đẩy mạnh điều tra nguồn gen thủy sản bản địa; chuyển giao quy trình nuôi sinh thái; hỗ trợ hợp tác xã cộng đồng; xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm thủy sản sinh thái và phát triển các sản phẩm OCOP ven biển. Đồng thời, tăng cường đào tạo đội ngũ khuyến nông cộng đồng tại cơ sở, hình thành các "tổ sinh kế xanh ven rừng ngập mặn" để người dân trực tiếp tham gia quản lý tài nguyên và phát triển sản xuất.

NGUYỄN BÁ LÂM
Trung tâm KN và QLBVPT rừng Quảng Ninh

KHUYẾN NÔNG LÀO CAI THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CHÈ HỮU CƠ

Những năm gần đây, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai đã triển khai nhiều chương trình, dự án và mô hình sản xuất chè theo hướng hữu cơ tại các vùng trồng chè trọng điểm của tỉnh. Thông qua việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hướng dẫn quy trình canh tác an toàn, hữu cơ, khuyến nông đã từng bước giúp người trồng chè thay đổi phương thức sản xuất, giảm phụ thuộc vào vật tư hóa học, hướng tới sản xuất thân thiện với môi trường.

Một trong những điểm nổi bật là Dự án thâm canh chè theo hướng hữu cơ liên kết tiêu thụ sản phẩm với quy mô 40 ha. Dự án được triển khai tại các xã Bản Liền, Tả Củ Tỷ, Cao Sơn. Trung tâm đã tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên sâu cho các hộ dân, tổ nhóm, hợp tác xã về kỹ thuật trồng và chăm sóc chè theo hướng hữu cơ từ cách bón phân, cách sử dụng chế phẩm sinh học, cách cải tạo đất và quản lý dịch hại tổng hợp... Nhờ vậy, năng suất chè tại vùng dự án đạt bình quân 70 - 75 tạ búp tươi/ha/năm. Giá bán búp chè tươi đạt trung bình trên 10.000 đồng/kg, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất theo phương thức truyền thống, tạo động lực để nông dân mở rộng diện tích canh tác, liên kết sản xuất hàng hóa theo hướng bền vững.

Ông Tráng A Pao ở xã Cao Sơn là một trong các hộ tham gia Dự án chia sẻ: tham gia mô hình, ông được

tập huấn và hiểu được lợi ích của việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học. Cách chọn lựa, sử dụng và pha chế thuốc phù hợp với từng loại sâu bệnh, đúng tỷ lệ, tránh lãng phí và đảm bảo hiệu quả.

Cán bộ khuyến nông hướng dẫn bà con xã Bản Liền chăm sóc chè Shan tuyết cổ thụ

Nông dân xã Bản Lầu thăm nương chè thường xuyên để phát hiện kịp thời sâu bệnh

Nông dân được cán bộ khuyến nông hướng dẫn cách chăm sóc, đốn tỉa, phòng trừ sâu bệnh hại ngay tại nương chè

Các hộ nông dân xã Cao Sơn được hướng dẫn bón phân hữu cơ đúng cách cho cây chè

Còn bà Giàng Thị Pằng cũng là hộ dân tham gia mô hình cho biết: Bà đã biết được cách phát hiện sớm sự xuất hiện của sâu bệnh và biện pháp phòng ngừa hiệu quả. Các biện pháp bảo vệ sức khỏe trong quá trình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Cách xử lý bao bì thuốc và chất thải thuốc đúng cách để tránh ô nhiễm môi trường. Lợi ích lâu dài của việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học.

Theo bà Nguyễn Thị Hà – Giám đốc Trung tâm Khuyến nông và DVNN tỉnh Lào Cai: thời gian qua, Trung tâm đã triển khai các mô hình, chương trình, dự án sản xuất chè hữu cơ tại các vùng trồng chè trọng điểm của tỉnh. Thông qua đó, đã hướng dẫn người dân áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật sản xuất hữu cơ, góp phần nâng cao ý thức cho người dân về an toàn trong sản xuất, nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao giá trị sản phẩm...

Không chỉ dừng lại ở hiệu quả của từng mô hình, vai trò then chốt của khuyến nông thể hiện rõ ở khả năng nhân rộng và lan tỏa. Từ các mô hình điểm; nhiều hộ dân, tổ hợp tác và hợp tác xã đã chủ động áp dụng quy trình hữu cơ trên diện tích chè hiện có, từng bước nâng tổng diện tích chè đạt tiêu chuẩn hữu cơ trên toàn tỉnh. Đến nay, diện tích chè đạt tiêu chuẩn hữu cơ của Lào Cai đạt 2341 ha. Đây là kết quả của quá trình tích lũy, mở rộng có định hướng, trong đó khuyến nông giữ vai trò "bà đỡ" về kỹ thuật và tổ chức sản xuất.

Song song với mở rộng diện tích, hệ thống khuyến nông còn tích cực tham gia thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị chè. Thông qua hỗ trợ thành lập, củng cố các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất chè, khuyến nông đã tạo nền tảng để doanh nghiệp tham gia liên kết, bao tiêu sản phẩm. Việc sản xuất đồng bộ theo quy trình hữu cơ, có kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc đã góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Có thể khẳng định, việc nâng tổng diện tích chè hữu cơ toàn tỉnh là kết quả của toàn ngành nông nghiệp, là sự thay đổi tư duy sản xuất, sự nỗ lực từ người trồng chè và ở đó gắn liền với vai trò đồng hành, dẫn dắt bền bỉ của hệ thống khuyến nông. Thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông và DVNN tỉnh Lào Cai tiếp tục tập trung nhân rộng các mô hình hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng cường kết nối giữa các hợp tác xã, doanh nghiệp với người trồng chè. Đồng thời đẩy mạnh quảng bá, tuyên truyền sản phẩm chè thông qua các hội chợ, diễn đàn... Qua đó, góp phần mở rộng diện tích chè hữu cơ, nâng cao giá trị gia tăng và xây dựng thương hiệu chè Lào Cai trên thị trường trong nước và quốc tế.

LƯU HOÀ
Trung tâm Khuyến nông và DVNN Lào Cai

ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG XÂY DỰNG MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG TẠI GIA LAI

Ứng dụng công nghệ cao trong xây dựng mô hình khuyến nông giúp giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nông dân

Thời gian qua, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Gia Lai đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông. Việc này đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị nông sản, cải thiện thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.

Ông Huỳnh Việt Hùng, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Gia Lai cho biết: Đơn vị tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao trên các cây trồng chủ lực như lạc, dừa, xoài, bưởi, cà phê và thủy sản. Qua đó giúp nông dân từng bước tiếp cận các quy trình sản xuất hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới nền nông nghiệp phát triển bền vững.

Trong lĩnh vực trồng trọt, mô hình thâm canh lạc ứng dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm nước gắn với liên kết chuỗi được triển khai trên diện tích 20 ha tại 4 xã Bình Hiệp, Bình Khê, Hòa Hội và Hội Sơn, với sự tham gia của 50 hộ nông dân. Các điểm trình diễn cho hiệu quả kinh tế tăng hơn 45% so với trước đây, góp phần ổn định sản xuất cho nông dân.

Mô hình thâm canh lạc ứng dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm nước gắn với liên kết chuỗi

Theo Thạc sỹ Hồ Quang Thạch, Phó trưởng phòng Khuyến nông, việc đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm nước có chi phí khoảng 45 triệu đồng/ha, thời gian sử dụng trên 5 năm. Tính theo khấu hao trong 5 năm, chi phí bình quân khoảng 9 triệu đồng/ha/năm, thấp hơn so với phương pháp tưới truyền thống với chi phí khoảng 14 triệu đồng/ha/năm. Nước tưới được phân bổ đều, cung cấp kịp thời cho cây trồng; nhờ đó, cây trồng sinh trưởng tốt và năng suất cao hơn so với phương pháp tưới truyền thống.

Giai đoạn 2023 - 2025, Trung tâm triển khai xây dựng mô hình sản xuất cà phê hữu cơ tại xã Bờ Ngoong, trên 30 ha cà phê của 4 hộ dân canh tác liền vùng, liền thửa. Các hộ tham gia được hỗ trợ 90 tấn phân hữu cơ vi sinh và 90 lít phân bón lá hữu cơ; đồng thời được tập huấn quy trình sản xuất, thu hoạch và sơ chế cà phê theo tiêu chuẩn hữu cơ. Trung tâm hỗ trợ người dân ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với Hợp tác xã Nông nghiệp Thương mại và Du lịch sinh thái Hàm Rồng. Mỗi năm, đơn vị thu mua từ 60 – 80 tấn cà phê với giá cao hơn khoảng 1,3 lần so với sản xuất cà phê truyền thống. Từ diện tích 30 ha ban đầu, đến nay mô hình đã nhân rộng thêm 12 ha diện tích cà phê đạt chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Liên minh châu Âu.

Trong lĩnh vực thủy sản, Trung tâm cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng. Từ năm 2021 đến năm 2025, mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ Semi-Biofloc được triển khai tại 10 điểm trình diễn với quy mô từ 1.000 – 1.500 m^2/điểm. Tôm đạt năng suất trung bình trên 24 tấn/ha, người nuôi thu lợi nhuận trung bình 100 triệu đồng/1.000 m^2 ao nuôi, cao hơn 15 - 20% so với nuôi truyền thống.

Công nghệ nuôi tôm Semi-Biofloc hạn chế được dịch bệnh, giảm chi phí sản xuất và kiểm soát tốt dư lượng kháng sinh trong sản phẩm, nhờ đó giá trị tôm thương phẩm được nâng cao. Thời gian gần đây, mô hình này được nhiều hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh quan tâm, áp dụng và mang lại hiệu quả rõ rệt.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp không chỉ tạo ra các sản phẩm an toàn mà còn giúp nông dân quản lý sản xuất hiệu quả, giảm chi phí đầu vào và nâng cao thu nhập. Trong thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông Gia Lai sẽ tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng bền vững. Trong đó, tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích, tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; đồng thời tiếp tục hỗ trợ nông dân tiếp cận các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đẩy mạnh cơ giới hóa và chuyển đổi số trong sản xuất.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp nói chung và trong xây dựng mô hình khuyến nông nói riêng không chỉ giúp nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế mà còn góp phần thay đổi tư duy sản xuất của người nông dân, từng bước chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với chuỗi giá trị. Đây được xem là hướng đi phù hợp nhằm nâng cao giá trị nông sản và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới.

THÀNH NGUYÊN
Trung tâm Khuyến nông Gia Lai

NGƯỜI NÔNG DÂN CHUYÊN NGHIỆP:

TƯ DUY MỚI CÁCH LÀM MỚI GIÁ TRỊ MỚI

Sáng 27/6/2026, tại tỉnh Sơn La, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Báo Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La tổ chức Tọa đàm "Người nông dân chuyên nghiệp: Tư duy mới - Cách làm mới - Giá trị mới".

Tọa đàm có sự tham dự của: ông Lê Minh Hoan, Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội; ông Phan Như Nguyện, Phó Chủ tịch Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; ông Lê Quốc Doanh, nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch Hội Làm vườn Việt Nam; ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia. Lãnh đạo tỉnh Sơn La có các đồng chí: Hoàng Văn Chất, Nguyên Bí thư Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh; ông Lò Minh Hùng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh; ông Nguyễn Thành Công, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; lãnh đạo các sở, ngành của tỉnh; cùng các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, HTX và nông dân tiêu biểu.

Phát biểu đề dẫn toạ đàm, ông Cao Minh Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, nhận định: Nông nghiệp Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những yêu cầu chuyển đổi mạnh mẽ từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; từ chú trọng sản lượng sang nâng cao giá trị gia tăng; từ phát triển đơn ngành sang tích hợp đa giá trị; gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải. Sự chuyển đổi này đòi hỏi phải xây dựng người nông dân chuyên nghiệp với ba nền tảng: Tư duy mới, cách làm mới và giá trị mới. Người nông dân cần chuyển từ sản xuất cái mình có sang sản xuất theo nhu cầu thị trường; từ sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết hợp tác; chủ động ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuẩn hóa quy trình sản xuất, tham gia chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu nông sản.

Tại tọa đàm, đại diện HTX Cà phê Bích Thao, HTX Nông nghiệp 26/3, Chi nhánh Doveco Sơn La, Tổ Khuyến nông cộng đồng tỉnh Sơn La, Viettel Post Sơn La và Công ty Sorimachi Việt Nam đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm thực tiễn về chuyển đổi số, phát triển kinh tế hợp tác, xây dựng chuỗi giá trị và sự đồng hành của doanh nghiệp, hệ thống khuyến nông trong nâng cao năng lực cho nông dân.

Điểm nhấn của chương trình là phiên tọa đàm mở với sự tham gia của các nhà quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp và nông dân nhằm trao đổi về những thách thức trong xây dựng người nông dân chuyên nghiệp; cơ chế, chính sách hỗ trợ; vai trò của khuyến nông, Hội Nông dân, hợp tác xã và các doanh nghiệp trong phát triển hệ sinh thái đồng hành cùng nông dân. Nhiều ý kiến cho rằng, người nông dân chuyên nghiệp không chỉ là người trực tiếp tạo ra sản phẩm mà còn cần có tư duy kinh tế, khả năng tiếp cận thị trường, tham gia quản trị sản xuất, thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng và cùng doanh nghiệp xây dựng chuỗi liên kết bền vững. Trong đó, doanh nghiệp, HTX, hệ thống khuyến nông và các tổ chức hội giữ vai trò đồng hành, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực sản xuất.

PGS.TS Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cho biết: Đồng hành cùng người sản xuất, lực lượng khuyến nông và đặc biệt là khuyến nông cộng đồng xác định là trọng trách của khuyến nông, chúng ta sẽ xây dựng dần dần và hy vọng sẽ hình thành một đội ngũ người nông dân chuyên nghiệp.

Với vai trò là cầu nối giữa tri thức, công nghệ, thị trường và người sản xuất, hệ thống khuyến nông sẽ tiếp tục đồng hành cùng nông dân đổi mới tư duy từ sản xuất đơn lẻ sang liên kết chuỗi giá trị, hướng tới xây dựng đội ngũ nông dân có tri thức, kỹ năng, năng lực số và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển của nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại và bền vững.

BBT

Nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan cho rằng, xây dựng người nông dân chuyên nghiệp trước hết phải bắt đầu từ chuyển đổi tư duy làm nông nghiệp

NGƯỜI NÔNG DÂN CHUYÊN NGHIỆP – CHỦ THỂ CỦA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI

Trong bối cảnh nông nghiệp Việt Nam chuyển mạnh từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế, người nông dân không còn chỉ là người tạo ra nông sản mà đang từng bước trở thành nhà quản trị sản xuất, người làm chủ công nghệ, thị trường và thương hiệu. Xây dựng lực lượng nông dân chuyên nghiệp vì thế được xem là một trong những điều kiện tiên quyết để phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững và hội nhập.

Chuyên nghiệp bắt đầu từ thay đổi tư duy

Khái niệm "người nông dân chuyên nghiệp" ngày càng được nhìn nhận với nội hàm rộng hơn. Đó không chỉ là người có kinh nghiệm sản xuất hay sở hữu quy mô canh tác lớn, mà là người làm nông bằng tri thức, biết tính toán hiệu quả kinh tế, quản trị rủi ro, ghi chép chi phí, liên kết sản xuất và chủ động thích ứng với yêu cầu của thị trường.

Theo nhiều chuyên gia, người nông dân hiện đại cần hiểu khoa học kỹ thuật, kinh tế nông nghiệp, biết xây dựng thương hiệu sản phẩm, kể câu chuyện về sản phẩm và quê hương mình, đồng thời không ngừng học tập để nâng cao năng lực. Chính tư duy đó sẽ quyết định khả năng cạnh tranh của nông sản trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

Thực tiễn đang chứng minh sự chuyển mình của người nông dân

Nhiều mô hình sản xuất trên cả nước cho thấy hình ảnh người nông dân đang có sự thay đổi rõ nét.

Tại Đồng Tháp, người trồng hoa, cây cảnh ở Sa Đéc không chỉ làm chủ kỹ thuật mà còn chủ động nghiên cứu, lai tạo giống mới để tạo giá trị khác biệt cho sản phẩm. Nhiều hộ nông dân làm du lịch nông nghiệp đã biết kết hợp giữa sản xuất và trải nghiệm, biến những cánh đồng, khu vườn thành điểm đến hấp dẫn, gia tăng giá trị trên cùng một đơn vị diện tích.

Trong ngành hàng lúa gạo, các hợp tác xã tiên phong từng bước áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, xây dựng thương hiệu và tiếp cận những phân khúc thị trường có giá trị cao. Đối với ngành hàng trái cây, nhiều mô hình liên kết giữa hợp tác xã và doanh nghiệp đã giúp kiểm soát chất lượng, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, đồng thời kết hợp hiệu quả giữa sản xuất với du lịch và truyền thông số.

Ngay cả trong lĩnh vực rau màu, việc tổ chức sản xuất theo chuỗi đã giúp các hộ sản xuất nhỏ liên kết với nhau để đáp ứng yêu cầu của hệ thống phân phối hiện đại. Những mô hình này cho thấy người nông dân chuyên nghiệp không chỉ sản xuất giỏi mà còn biết hợp tác, đổi mới sáng tạo và hướng tới thị trường.

"Không ai chuyên nghiệp một mình"

Một trong những thông điệp nổi bật được nhiều chuyên gia và doanh nghiệp cùng chia sẻ là: người nông dân chỉ có thể phát triển bền vững khi tham gia vào các mối liên kết.

Sự chuyên nghiệp không chỉ nằm ở kỹ thuật sản xuất mà còn thể hiện ở tính kỷ luật, sự minh bạch, khả năng hợp tác và cam kết thực hiện đúng quy trình. Ngược lại, doanh nghiệp cũng cần đồng hành cùng nông dân thông qua chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm và xây dựng chuỗi giá trị lâu dài.

Thực tiễn từ nhiều hợp tác xã hoạt động hiệu quả cho thấy, khi người nông dân liên kết với nhau và liên kết với doanh nghiệp, giá trị mang lại không chỉ nằm ở nông sản mà còn mở rộng sang dịch vụ, du lịch nông nghiệp và kinh tế trải nghiệm.

Chuyển đổi số mở ra cơ hội mới

Trong quá trình chuyên nghiệp hóa nông dân, chuyển đổi số đang trở thành công cụ quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Việc ứng dụng công nghệ số giúp quản lý sản xuất hiệu quả hơn, truy xuất nguồn gốc minh bạch và mở rộng thị trường thông qua các nền tảng thương mại điện tử và mạng xã hội. Nhiều nông dân đã chủ động xây dựng thương hiệu cá nhân, quảng bá sản phẩm bằng video ngắn, livestream bán hàng và kết nối trực tiếp với người tiêu dùng.

Không chỉ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, các nền tảng số còn góp phần kể những câu chuyện về nông sản, vùng quê và người làm nông, tạo thêm giá trị cho sản phẩm Việt Nam trên thị trường. Đây được xem là hướng đi nhiều tiềm năng trong xây dựng hình ảnh người nông dân chuyên nghiệp thời đại số.

Đồng hành để hình thành lực lượng nông dân chuyên nghiệp

Quá trình chuyên nghiệp hóa nông dân không thể chỉ dựa vào nỗ lực của từng cá nhân. Điều đó đòi hỏi sự đồng hành của Nhà nước, hệ thống khuyến nông, Hội Nông dân, doanh nghiệp, nhà khoa học và các tổ chức liên quan.

Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, cần đẩy mạnh đào tạo kỹ năng, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường. Hệ thống khuyến nông cũng cần chuyển mạnh từ chuyển giao kỹ thuật sang đồng hành cùng người dân phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao năng lực quản trị và khả năng thích ứng với những yêu cầu mới của thị trường.

Xây dựng đội ngũ nông dân chuyên nghiệp không chỉ là mục tiêu của ngành nông nghiệp mà còn là nền tảng để phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, xanh và bền vững. Khi người nông dân được trang bị đầy đủ tri thức, kỹ năng, tư duy thị trường và tinh thần hợp tác, họ sẽ thực sự trở thành chủ thể của quá trình đổi mới nông nghiệp và phát triển nông thôn trong giai đoạn mới.

Nhiều chuyên gia cho rằng: Người nông dân chỉ có thể phát triển, sản xuất bền vững khi tham gia vào các mối liên kết

NGUYỄN SÂM
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ QUẢN LÝ PHÁT THẢI:

NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN VÙNG LÚA CHẤT LƯỢNG CAO, PHÁT THẢI THẤP

Ngày 22/6/2026, tại tỉnh An Giang, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang tổ chức Tọa đàm "Chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính phục vụ phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long" - một trong những hoạt động trọng tâm triển khai Đề án một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

Hai trụ cột không thể tách rời

Phát biểu khai mạc, ông Trần Thanh Hiệp - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang - nhấn mạnh Đề án không chỉ hướng đến tăng năng suất hay mở rộng diện tích mà còn xây dựng nền sản xuất lúa gạo hiện đại, minh bạch và thân thiện với môi trường. Trong đó, chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính là hai trụ cột gắn bó chặt chẽ, từ quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc đến từng bước tham gia thị trường carbon.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, hệ thống khuyến nông giữ vai trò cầu nối giữa chính sách và thực tiễn. Đến nay, 100% địa phương tham gia Đề án đã thành lập 1.013 Tổ Khuyến nông cộng đồng với hơn 10.300 thành viên. Không chỉ chuyển giao kỹ thuật, các tổ còn hướng dẫn nông dân ghi chép nhật ký sản xuất, hỗ trợ hợp tác xã quản lý vùng nguyên liệu và thu thập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số cũng như kiểm kê phát thải. Đây là nền tảng quan trọng để dữ liệu sản xuất được minh bạch, thống nhất và có thể kiểm chứng

Khi hạt gạo phải "chứng minh" mình xanh

Các chuyên gia tại tọa đàm đều thống nhất rằng ngành lúa gạo Việt Nam đang đứng trước yêu cầu mới của thị trường quốc tế. Nếu trước đây cạnh tranh chủ yếu về sản lượng thì hiện nay chất lượng, tính minh bạch và khả năng chứng minh giảm phát thải mới là yếu tố quyết định giá trị sản phẩm.

Nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trần Thanh Nam cho rằng sản xuất lúa giảm phát thải là xu hướng tất yếu. Các giải pháp như giảm lượng giống gieo sạ, tưới ngập khô xen kẽ (AWD), sử dụng phân bón hợp lý, xử lý rơm rạ sau thu hoạch đều đã được chứng minh hiệu quả. Tuy nhiên, những kết quả này chỉ được thị trường ghi nhận khi được đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) bằng hệ thống dữ liệu chuẩn hóa, minh bạch và

Toàn cảnh toạ đàm

Các đại biểu tham quan mô hình lúa hữu cơ, tôm sinh thái tại tỉnh An Giang

có kiểm chứng độc lập. Nói cách khác, sản xuất tốt thôi chưa đủ, mà còn phải chứng minh được mình sản xuất tốt.

Số hóa bắt đầu từ đồng ruộng

Một nội dung được nhiều đại biểu chia sẻ là chuyển đổi số trong nông nghiệp không chỉ là ứng dụng phần mềm hay thiết bị công nghệ mà là thay đổi phương thức quản lý dựa trên dữ liệu, bắt đầu từ từng thửa ruộng.

Ở đó, khuyến nông cộng đồng tiếp tục đóng vai trò trung tâm khi đồng hành cùng nông dân ghi nhật ký điện tử, cập nhật dữ liệu đầu vào - đầu ra và kết nối thông tin với hợp tác xã cũng như cơ quan quản lý. Chính lực lượng này tạo nên "mắt xích" giúp các nền tảng số có dữ liệu thực tế để vận hành hiệu quả.

Về hạ tầng kỹ thuật, Trung tâm Khuyến nông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã vận hành thử nghiệm hệ thống quản lý dữ liệu đối với 6 mô hình và 254 hợp tác xã tham gia Đề án, gồm mã định danh chung, bản đồ số và hệ thống điều hành trực tuyến. Đồng thời, nền tảng EcoMRV đang được phát triển nhằm tích hợp dữ liệu từ cảm biến, nhật ký sản xuất và thông tin môi trường để phục vụ phân tích, cảnh báo và lập báo cáo MRV tự động.

Hiệu quả đã được kiểm chứng

Tại An Giang, diện tích lúa chất lượng cao, phát thải thấp đã đạt trên 150.000 ha. Việc áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật kết hợp nhật ký điện tử và cảm biến đồng ruộng giúp giảm chi phí đầu vào từ 3,3-5 triệu đồng/ha, đồng thời tăng lợi nhuận từ 3,6-9,3 triệu đồng/ha so với phương thức canh tác truyền thống.

Đồng Tháp cũng là địa phương đi đầu trong triển khai MRV. Đến cuối năm 2025, diện tích tham gia Đề án đạt trên 75.000 ha. Các mô hình thí điểm ghi nhận lượng giống gieo sạ giảm 46-53%, phân bón hóa học giảm 38-42%, thuốc bảo vệ thực vật giảm 22-37%, năng suất tăng hơn 400 kg/ha, lợi nhuận tăng 4,5-7 triệu đồng/ha/vụ và lượng phát thải giảm từ 3,1-4,9 tấn CO_2 tương đương/ha/vụ. Năm 2026, địa phương tiếp tục mở rộng triển khai MRV trên quy mô lớn hơn.

Hướng tới hạ tầng dữ liệu hoàn chỉnh

Từ các tham luận và thảo luận, các đại biểu thống nhất một số định hướng ưu tiên trong thời gian tới: hoàn thiện hạ tầng dữ liệu số phục vụ quản lý vùng nguyên liệu và kiểm kê phát thải; tiếp tục nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã và nông dân - những chủ thể trực tiếp tạo ra và vận hành dữ liệu sản xuất; tăng cường liên kết bốn nhà để hình thành chuỗi giá trị lúa gạo chất lượng cao, phát thải thấp; đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách về kiểm kê khí nhà kính và tạo điều kiện để từng bước tham gia thị trường carbon trong lĩnh vực trồng lúa.

Kết thúc tọa đàm, lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia khẳng định những ý kiến, kinh nghiệm thực tiễn được chia sẻ sẽ là cơ sở quan trọng để tham mưu hoàn thiện cơ chế chính sách và tổ chức triển khai Đề án hiệu quả hơn trong thời gian tới - hướng tới một nền sản xuất lúa gạo Việt Nam ngày càng xanh hơn, minh bạch hơn và có giá trị hơn trên thị trường trong nước và quốc tế.

ĐỖ TUẤN
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Mường Bo
VƯỢT KHÓ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, xã Mường Bo, tỉnh Lào Cai bước vào hành trình xây dựng nông thôn mới với nhiều khó khăn, thách thức. Thiếu đất sản xuất, giao thông xuống cấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao... từng là những "nút thắt" cản trở sự phát triển của địa phương. Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết, quyết tâm vượt khó của cấp ủy, chính quyền và nhân dân, xã Mường Bo đang từng bước chuyển mình trên hành trình xây dựng nông thôn mới.

Mô hình nuôi ốc tại thôn Nậm Nhìu mở ra hướng phát triển kinh tế mới cho người dân nơi đây

Người nông dân Mường Bo đang dần thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp

Điểm đáng ghi nhận ở Mường Bo là địa phương không lựa chọn cách làm nóng vội, mà bắt đầu từ việc rà soát từng tiêu chí, đánh giá đúng thực trạng để xác định hướng đi phù hợp. Với phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm", xã xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng nhiệm vụ, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm thay đổi nhận thức, khơi dậy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

Từ chỗ chỉ sản xuất một vụ lúa trong năm, nhiều hộ dân đã mạnh dạn thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa giống mới có giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Một trong những mô hình tiêu biểu là trồng khoai tây đỏ trên đất một vụ lúa. Từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đã hỗ trợ 2,6 tấn giống khoai tây đỏ trồng trên 2,8 ha trong vụ đông cho nhân dân hai thôn Bản Sài và Nậm Sang. Giống khoai tây đỏ có khả năng kháng bệnh tốt, năng suất đạt từ 20 - 25 tấn/ha nếu chăm sóc đúng kỹ thuật, mở ra hướng nâng cao thu nhập cho người dân.

Bà Nông Thị Tín ở thôn Mường Bo 1 chia sẻ: Trước đây gia đình chỉ cấy một vụ lúa, thời gian còn lại đất bị bỏ hoang. Hai năm trở lại đây, gia đình đã thực hiện hai vụ sản xuất, nên hiệu quả kinh tế tăng lên rõ rệt.

Cùng với phát triển sản xuất, xã đặc biệt chú trọng đầu tư hạ tầng giao thông nông thôn. Phong trào hiến đất mở rộng đường giao thông được đông đảo người dân hưởng ứng, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong cộng đồng. Tại thôn Nậm Than, người dân đồng thuận hiến đất, đóng góp ngày công để mở rộng, chỉnh trang các tuyến đường phục vụ đi lại và phát triển kinh tế.

Ông Vù A Và - Trưởng thôn Nậm Than cho biết, địa phương đang tập trung nâng cấp tuyến đường tại xóm Há Lả nhằm phục vụ phát triển mô hình du lịch cộng đồng. Nhà nước hỗ trợ xi măng, người dân hiến đất và tham gia ngày công để mở rộng tuyến đường, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch và sản xuất.

Song song với sản xuất nông nghiệp truyền thống, xã đang từng bước triển khai các mô hình kinh tế mới. Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp và Dịch vụ Mường Bo đã nghiên cứu, thử nghiệm thành công mô hình trồng nấm hương. Nhờ khí hậu mát mẻ, nền nhiệt ổn định, mô hình cho thấy tiềm năng phát triển. Hiện sản phẩm nấm hương tươi được bán với giá từ 80.000 - 110.000 đồng/kg, mở ra hướng đi mới cho bà con. Ông Phạm Xuân Long, Phó Giám đốc Hợp tác xã cho biết, hợp tác xã đang tiếp tục hướng dẫn các hộ dân sản xuất nấm, đồng thời nghiên cứu đầu tư máy sấy nhiệt để phát triển sản phẩm nấm khô, nâng cao giá trị hàng hóa.

Bên cạnh phát triển kinh tế, xã Mường Bo còn quan tâm xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn cảnh quan môi trường nông thôn. Phong trào "Ngày Chủ nhật sạch" được duy trì thường xuyên với các hoạt động vệ sinh môi trường, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm.

Đồng chí Nguyễn Trung Kiên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Mường Bo cho biết, thời gian tới địa phương sẽ tập trung phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển các sản phẩm đặc hữu như cá tầm, cá hồi, gạo nếp Mường Bo; đồng thời đẩy mạnh đào tạo nghề, tạo việc làm nhằm nâng cao thu nhập cho người dân.

Đồng chí Nguyễn Trung Kiên - Bí thư Đảng uỷ xã Mường Bo kiểm tra mô hình trồng khoai tây đỏ ở thôn Bản Sài

Từ những thửa ruộng tăng vụ, những tuyến đường mở rộng, đến những mô hình kinh tế mới đang hình thành... tất cả đang tạo nên diện mạo mới cho vùng đất Mường Bo. Dù phía trước vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự đồng lòng của nhân dân và quyết tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương, xã Mường Bo đang từng bước vượt khó, vươn lên trên hành trình xây dựng nông thôn mới bền vững.

ĐẶNG THƯƠNG THẢO
Văn phòng Điều phối MTM Tỉnh Lào Cai

Từ lớp tập huấn khuyến nông ĐẾN MÔ HÌNH TRỒNG DƯỢC LIỆU THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Ông Nguyễn Minh Dung đang chăm sóc ruộng cây dược liệu Rau Mèo

Từ một nông dân chỉ quen với các loại cây hoa màu truyền thống, ông Nguyễn Minh Dung, ở thôn Phú Long, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk đã xây dựng thành công mô hình trồng cây dược liệu theo chuỗi giá trị, mang lại thu nhập ổn định. Điều đáng nói, bước ngoặt ấy bắt đầu từ một lớp tập huấn khuyến nông.

Năm 2004, ông Dung tham gia lớp tập huấn do Trung tâm Khuyến nông tỉnh tổ chức. Tại đây, ngoài việc được trang bị kiến thức kỹ thuật, ông còn được tham quan mô hình trồng cây dược liệu theo chuỗi giá trị tại Trung tâm Dược liệu miền Trung. Chuyến đi đã thay đổi tư duy sản xuất của ông, giúp ông nhận ra muốn làm giàu bền vững thì không chỉ trồng cây mà phải tham gia vào chuỗi liên kết từ giống, kỹ thuật đến tiêu thụ sản phẩm.

Trở về địa phương, ông mạnh dạn chuyển đổi diện tích đất sang trồng các loại dược liệu như Diệp hạ châu, Cà gai leo và đặc biệt là cây Rau mèo. Nhờ áp dụng đúng quy trình kỹ thuật được hướng dẫn, các loại cây sinh trưởng tốt, cho năng suất ổn định. Trong đó, Rau mèo trở thành cây trồng chủ lực của gia đình.

Theo ông Dung, kỹ thuật trồng Rau mèo không quá phức tạp nhưng đòi hỏi người trồng phải tuân thủ quy trình từ khâu nhân giống, làm đất, chăm sóc đến thu hoạch. Điều quan trọng hơn cả là đầu ra luôn được bảo đảm thông qua liên kết với Trung tâm Dược liệu miền Trung. Toàn bộ sản phẩm sau thu hoạch đều được đơn vị bao tiêu với giá ổn định, giúp người sản xuất yên tâm đầu tư lâu dài. Hiện gia đình ông chuẩn bị thu hoạch hơn 2.000 m² Rau mèo, sản lượng dự kiến trên 4 tấn. Sau khi trừ chi phí, lợi nhuận đạt hơn 40 triệu đồng.

Không chỉ mang lại giá trị kinh tế, các loại cây dược liệu còn có giá trị đối với sức khỏe cộng đồng. Trong đó, Rau mèo là dược liệu được sử dụng trong y học cổ truyền để hỗ trợ điều trị nhiều bệnh như sỏi thận, sỏi bàng quang, hạ huyết áp và đái tháo đường. Việc phát triển vùng nguyên liệu sạch góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường dược liệu.

Hiện nay, mô hình của ông Nguyễn Minh Dung trở thành địa chỉ để nhiều nông dân trong vùng đến tham quan, học tập. Thành công của ông là minh chứng sinh động cho hiệu quả của công tác khuyến nông trong việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, thay đổi tư duy sản xuất và kết nối doanh nghiệp với nông dân, hình thành chuỗi giá trị bền vững, góp phần nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế nông thôn..

LÊ HỮU PHÚC
Khuyến nông viên xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

Hiệu quả kinh tế của CÂY HỒNG KHÔNG HẠT Ở TUYÊN QUANG

Sau hợp nhất, sáp nhập địa giới hành chính, tỉnh Tuyên Quang có thêm cơ hội phát huy lợi thế các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng. Trong đó, hồng không hạt đang trở thành cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và xây dựng thương hiệu nông sản của địa phương.

Hiện toàn tỉnh có gần 500 ha hồng không hạt, tập trung tại các xã Yên Minh, Nghĩa Thuận, Yên Lập, Quản Bạ, Xuân Vân... với năng suất bình quân từ 6-8 tấn/ha. Nhờ điều kiện khí hậu mát mẻ, thổ nhưỡng phù hợp, cây hồng sinh trưởng tốt, cho quả giòn, ngọt, được thị trường ưa chuộng.

Xã Nghĩa Thuận là vùng trồng hồng nổi tiếng của tỉnh, được cấp Chứng nhận bảo hộ Chỉ dẫn địa lý từ năm 2017. Hiện địa phương có 119 ha hồng không hạt, trong đó hơn 90 ha đã cho thu hoạch. Gia đình ông Vương Trung Hùng, thôn Phín Ủng, trồng trên 140 gốc hồng, mỗi năm thu lãi hơn 100 triệu đồng sau khi trừ chi phí. Theo ông, cây hồng không hạt đã giúp gia đình ổn định cuộc sống và có điều kiện đầu tư cho con cái học hành.

Tại xã Xuân Vân, hồng không hạt cũng trở thành cây trồng chủ lực. Vào mùa thu hoạch, người dân kết hợp kinh nghiệm truyền thống với kỹ thuật ngâm khử chát để tạo ra sản phẩm thơm ngon, đáp ứng nhu cầu thị trường. Gia đình ông Hứa Văn Tú có hơn 500 gốc hồng; sau khi sơ chế, sản phẩm được tiêu thụ không chỉ trong tỉnh mà còn tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và nhiều địa phương khác.

Không chỉ có chất lượng đặc trưng nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, hồng không hạt Tuyên Quang còn được công nhận sản phẩm OCOP 3 sao, có bao bì, tem truy xuất nguồn gốc và được đưa lên các sàn thương mại điện tử cũng như hệ thống siêu thị, hội chợ nông sản. Đây là bước tiến quan trọng trong xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Để khai thác hiệu quả tiềm năng của cây hồng không hạt, tỉnh Tuyên Quang đang khuyến khích người dân cải tạo vườn tạp, mở rộng vùng chuyên canh, phát triển du lịch trải nghiệm mùa hồng chín và đa dạng hóa sản phẩm chế biến như hồng sấy dẻo, hồng treo gió. Đồng thời, địa phương triển khai dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ hồng không hạt theo chuỗi giá trị, hướng tới tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ, góp phần nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Chăm sóc cây hồng không hạt tại xã Nghĩa Thuận

VŨ NGỌC TUYÊN
Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang

Khởi nghiệp bền vững
TỪ NGHỀ NUÔI HƯƠU SAO TRUYỀN THỐNG

Xã Sơn Giang, tỉnh Hà Tĩnh được biết đến là "thủ phủ" của nghề nuôi hươu sao, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân và từng bước khẳng định thương hiệu nhung hươu trên thị trường. Hiện nay, toàn xã có 5 cơ sở sản xuất các sản phẩm từ nhung hươu đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh. Trên địa bàn có hơn 10 mô hình nuôi hươu quy mô lớn, tổng đàn từ 50 đến trên 100 con, cùng nhiều mô hình quy mô nhỏ dưới 20 con phân bố rộng khắp các thôn xóm. Sơn Giang cũng là địa phương dẫn đầu trong việc cung ứng nhung hươu thương phẩm và hươu giống cho nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Sơn Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, địa phương đặt mục tiêu phát triển tổng đàn hươu đến năm 2030 đạt 14.500 con, tăng 2.250 con so với hiện tại. Đây là chỉ tiêu quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp chủ lực của xã, đồng thời mở ra cơ hội để lực lượng thanh niên tham gia khởi nghiệp, lập nghiệp ngay tại quê hương.

Thời gian qua, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Sơn Giang đã tích cực tuyên truyền, vận động các đoàn viên phát huy lợi thế sẵn có của địa phương, mạnh dạn đầu tư phát triển nghề nuôi hươu theo hướng ổn định, lâu dài. Điểm đáng ghi nhận là thanh niên Sơn Giang tiếp cận nghề nuôi hươu theo hướng bài bản, coi đây là sinh kế chính. Lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn thức ăn phong phú, sẵn có cùng kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ là nền tảng để người trẻ mạnh dạn đầu tư, mở rộng quy mô đàn.

Tiêu biểu trong phong trào thanh niên khởi nghiệp là anh Phạm Anh Hiếu, sinh năm 1991 ở thôn 7. Sau thời gian lao động tự do ở nhiều nơi với thu nhập bấp bênh, anh quyết định trở về quê, đầu tư chuồng trại, học hỏi kinh nghiệm

Các đoàn viên thanh niên Sơn Giang yên tâm gắn bó, phát triển quê hương nhờ nghề nuôi hươu

từ gia đình và các hộ nuôi lâu năm trong xã để phát triển nghề nuôi hươu. Anh Hiếu chia sẻ: "Hơn 6 năm trước, tôi trở về quê và tập trung phát triển nghề nuôi hươu của gia đình. Nhờ học hỏi kinh nghiệm và tìm hiểu thị trường tiêu thụ, việc nuôi hươu mang lại thu nhập đều đặn, giúp tôi yên tâm phát triển kinh tế tại quê hương".

Hiện nay, gia đình anh Hiếu nuôi 20 con hươu, tổng giá trị mô hình khoảng 500 triệu đồng. Đàn hươu sinh trưởng, phát triển tốt, cho thu hoạch nhung ổn định hằng năm. Thời gian tới, anh dự kiến tiếp tục mở rộng quy mô đàn, đầu tư nâng cấp chuồng trại, áp dụng kỹ thuật chăm sóc phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh tế.

Anh Nguyễn Hồng Tiệp - Bí thư Đoàn Thanh niên xã Sơn Giang, đồng thời cũng là một thanh niên nuôi hươu cho biết: "Thanh niên Sơn Giang có lợi thế rất lớn khi được sinh ra và lớn lên trong môi trường đã có sẵn nghề nuôi hươu truyền thống. Điều quan trọng là biết kế thừa kinh nghiệm của thế hệ trước, đồng thời chủ động tìm hiểu kỹ thuật mới và nắm bắt thị trường để nâng cao giá trị sản phẩm". Theo anh Tiệp, nuôi hươu là mô hình phù hợp để thanh niên khởi nghiệp bởi ít rủi ro, tận dụng được nguồn thức ăn tại chỗ, đầu ra sản phẩm tương đối ổn định. "Đoàn xã xác định đây là hướng đi thiết thực để đồng hành cùng thanh niên phát triển kinh tế ngay tại địa phương", anh Tiệp nhấn mạnh.

Thời gian tới, Đoàn Thanh niên xã Sơn Giang tiếp tục vận động đoàn viên xây dựng thêm các mô hình nuôi hươu mới, đồng thời định hướng thành lập tổ liên kết, tiến tới xây dựng Hợp tác xã thanh niên nuôi hươu nhằm tăng cường liên kết, hỗ trợ nhau về con giống, kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

Với lợi thế truyền thống, sự vào cuộc đồng bộ của chính quyền, tổ chức đoàn thể và tinh thần năng động, sáng tạo của thanh niên, nghề nuôi hươu sao ở xã Sơn Giang đang có những bước phát triển vững chắc. Đây không chỉ là hướng đi phù hợp trong phát triển kinh tế nông nghiệp địa phương mà còn là điểm sáng trong phong trào thanh niên khởi nghiệp, góp phần làm giàu ngay trên quê hương.

HOÀNG ANH THƠ
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

Hành trình đánh thức "LỘC TRỜI" NƠI BÃI BỒI VEN SÔNG

Ở vùng đất bãi ven sông thuộc thôn An Định, xã Chí Minh, thành phố Hải Phòng, nơi phù sa bồi đắp qua từng mùa nước lớn, thiên nhiên đã ưu ái ban tặng một sản vật quý hiếm con rươi, con cáy. Từ bao đời nay, người dân nơi đây vẫn quen với nhịp sống theo con nước, đón mùa rươi nổi như một "mùa vàng" đặc biệt. Nhưng cũng chính nguồn lợi tự nhiên ấy, đã từng có lúc đứng trước nguy cơ mai một bởi khai thác tự phát, thiếu liên kết và chưa được định hướng phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, Hợp tác xã (HTX) Du lịch Bảo tồn rươi, cáy An Thanh ra đời vào cuối năm 2024, như một bước ngoặt quan trọng, mở ra hướng đi mới cho vùng đất giàu tiềm năng này. Người đứng sau sự hình thành của HTX là ông Hà Văn Bẩy - một người con của vùng bãi, gắn bó cả đời với nghề khai thác rươi, cáy. Hơn ai hết, ông hiểu rõ giá trị của sản vật quê hương, nhưng cũng chứng kiến những khó khăn mà người dân phải đối mặt: sản xuất manh mún, phụ thuộc thiên nhiên, đầu ra bấp bênh, giá cả không ổn định.

Ngay từ những ngày đầu, HTX đã xác định hướng đi rõ ràng: không chỉ khai thác, mà phải quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững. Với tổng diện tích khoảng 20 mẫu bãi rươi, HTX tiến hành quy hoạch lại vùng khai thác, áp dụng các biện pháp chăm sóc tự nhiên, giữ gìn môi trường sinh thái. Song song với đó, HTX đầu tư vào khâu sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm. Sản lượng rươi, cáy của HTX đạt khoảng 20 tấn/năm. Nếu trước đây rươi chủ yếu bán tươi theo mùa, thì nay đã được cấp đông, đóng gói, chế

biến thành các sản phẩm tiện lợi, giúp kéo dài thời gian tiêu thụ, nâng cao giá trị và từng bước mở rộng thị trường.

Để tạo niềm tin cho người tiêu dùng, HTX tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản Hải Phòng (HPAP), giúp minh bạch thông tin sản phẩm. Đặc biệt, sản phẩm của HTX đã đạt tiêu chuẩn OCOP, khẳng định chất lượng và uy tín trên thị trường, tạo nền tảng để phát triển thương hiệu đặc sản địa phương.

Không dừng lại ở sản xuất, HTX còn mạnh dạn phát triển mô hình du lịch trải nghiệm gắn với nông nghiệp. Vùng bãi rươi không chỉ là nơi sản xuất, mà còn là một hệ sinh thái độc đáo, hấp dẫn du khách. Tại đây, du khách có thể: trải nghiệm trực tiếp việc thu hoạch rươi cùng người dân; tìm hiểu quy trình nuôi, khai thác tự nhiên; thưởng thức các món ăn đặc sản từ rươi, cáy; khám phá đời sống văn hóa của cư dân vùng bãi.

Từ một vùng khai thác tự phát, đến nay vùng nuôi của HTX đã từng bước trở thành một mô hình tiêu biểu, thể hiện rõ hướng đi đúng đắn: bảo tồn tài nguyên, tổ chức sản xuất, nâng cao giá trị, phát triển bền vững.

Trong thời gian tới, HTX xác định rõ những định hướng phát triển mang tính chiến lược, nhằm nâng cao giá trị và phát triển bền vững:

Trước hết, tập trung mở rộng quy mô vùng khai thác, từng bước quy hoạch lại diện tích bãi rươi theo hướng tập trung, đảm bảo điều kiện sinh thái tự nhiên, từ đó nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm.

Chú trọng đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ rươi và cáy, không chỉ dừng lại ở sản phẩm tươi sống hay cấp đông mà còn phát triển các dòng sản phẩm giá trị gia tăng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Song song với đó, HTX đặt mục tiêu xây dựng và phát triển thương hiệu rươi, cáy An Thanh trở thành sản phẩm đặc trưng có uy tín trên thị trường, gắn với tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc rõ ràng, qua đó tạo dựng niềm tin vững chắc đối với người tiêu dùng.

Đặc biệt, HTX sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát triển du lịch trải nghiệm gắn với nông nghiệp sinh thái, khai thác hiệu quả tiềm năng vùng bãi, đưa du khách đến gần hơn với quy trình khai thác rươi cáy tự nhiên và văn hóa bản địa.

Câu chuyện của HTX Du lịch Bảo tồn Rươi Cáy An Thanh không chỉ là câu chuyện về một hợp tác xã, mà còn là minh chứng cho một hướng đi đúng trong phát triển nông nghiệp hiện nay. Ở đó, "lộc trời" không còn là món quà may rủi, mà trở thành nguồn sinh kế bền vững, được gìn giữ, khai thác hợp lý và nâng tầm giá trị.

NGUYỄN HƯƠNG GIANG
Ban Quản lý rừng và Khuyến nông Hải Phòng

GIẢM STRESS NHIỆT CHO LỢN TRONG MÙA NẮNG NÓNG

Lợn là loài vật nuôi có khả năng điều hòa thân nhiệt kém do tuyến mồ hôi phát triển hạn chế, vì vậy khả năng tỏa nhiệt của cơ thể không cao. Khi nhiệt độ môi trường tăng, cơ thể lợn chủ yếu tỏa nhiệt thông qua hô hấp và tiếp xúc với nền chuồng. Khi nhiệt độ vượt ngưỡng thích nghi, đàn lợn thường có các biểu hiện: Thở gấp, thở nhanh; Nằm tản ra nền chuồng để tỏa nhiệt; Giảm lượng thức ăn thu nhận; Tăng lượng nước uống.

Sử dụng nhiệt kế hoặc cảm biến nhiệt để theo dõi và điều chỉnh nhiệt độ chuồng nuôi

Khi nhiệt độ môi trường vượt 27°C, đàn lợn bắt đầu bị ảnh hưởng bởi stress nhiệt. Nếu nhiệt độ ở mức 32 - 35°C, lượng thức ăn thu nhận của lợn có thể giảm 15 - 25%, làm giảm tốc độ tăng trưởng và hiệu quả chăn nuôi. Những đối tượng nhạy cảm với stress nhiệt gồm: Lợn nái mang thai, Lợn nái nuôi con, Lợn thịt có khối lượng lớn. Nếu không có biện pháp giảm nhiệt kịp thời, stress nhiệt kéo dài có thể dẫn đến suy giảm miễn dịch và làm tăng nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm.

Nhu cầu nhiệt độ của lợn thay đổi theo độ tuổi và khối lượng cơ thể

Giai đoạn sinh trưởng	Nhiệt độ thích hợp (°C)
Lợn con sơ sinh	30 - 32
Lợn con theo mẹ	28 - 30
Lợn cai sữa	26 - 28
Lợn thịt 20 - 60 kg	20 - 26
Lợn thịt 60 - 100 kg	18 - 24
Lợn nái mang thai	18 - 22
Lợn nái nuôi con	20 - 24

Các giải pháp giảm stress nhiệt độ cho lợn nuôi

- Thiết kế chuồng trại thông thoáng, chống nóng.
- Lắp đặt và vận hành hệ thống quạt và làm mát chuồng nuôi.
- Điều chỉnh mật độ nuôi hợp lý.
- Bổ sung vitamin và điện giải cho đàn lợn.
- Bảo đảm nguồn nước uống sạch và đầy đủ.
- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại.
- Thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi đúng quy định.

1. THIẾT KẾ CHUỒNG NUÔI VÀ TRỒNG CÂY XANH ĐỂ CHỐNG NÓNG CHO LỢN

- Bố trí các dãy chuồng theo hướng đông - tây để hạn chế ánh nắng chiếu trực tiếp vào chuồng.
- Chiều cao mái chuồng 3,5 - 4 m nhằm tăng khả năng lưu thông không khí.
- Sử dụng mái chống nóng hoặc mái hai lớp.
- Lắp đặt quạt thông gió để tăng cường lưu thông không khí.
- Bố trí hệ thống làm mát chuồng nuôi.

Ngoài ra, việc trồng cây xanh xung quanh khu chăn nuôi cũng giúp giảm nhiệt độ môi trường và tạo bóng mát cho chuồng trại.

2. LẮP ĐẶT VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG LÀM MÁT CHUỒNG NUÔI

Lưu ý: Cần lắp đặt hệ thống phát điện dự phòng đảm bảo hệ thống luôn đầy đủ các điều kiện cần thiết để vận hành hoạt động

- Quạt thông gió: Hút khí nóng ra ngoài và tăng cường lưu thông không khí trong chuồng.
- Hệ thống phun sương: Hạ nhiệt độ không khí và tăng độ ẩm.
- Tấm làm mát (Cooling Pad): Hoạt động theo nguyên lý làm mát bay hơi, giúp giảm nhiệt độ không khí trước khi đưa vào chuồng nuôi.

Áp dụng các giải pháp này, nhiệt độ chuồng nuôi có thể giảm 3 - 7°C.

Hệ thống tấm làm mát (Cooling Pad) và lưới chắn côn trùng

3. ĐIỀU CHỈNH CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG

- Cho ăn vào sáng sớm và chiều mát.
- Chia khẩu phần thành nhiều bữa nhỏ trong ngày.
- Điều chỉnh tăng tỷ lệ thức ăn dễ tiêu hóa trong khẩu phần ăn.
- Bổ sung vitamin và chất điện giải.

4. BỔ SUNG VITAMIN VÀ KHOÁNG GIÚP TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG

Giúp lợn tăng sức đề kháng, cân bằng điện giải, thích nghi với điều kiện nhiệt độ cao.

Vitamin, khoáng chất	Liều khuyến cáo
Vitamin C	1 - 2 g/con/ngày
Điện giải tổng hợp	1 g/lít nước
Vitamin B-complex	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
Khoáng vi lượng	Bổ sung định kỳ

NGUYỄN VĂN HƯỞNG
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Một số lưu ý VỀ QUẢN LÝ VÀ CHĂM SÓC THỦY SẢN NUÔI AO/HỒ TRONG MÙA MƯA LŨ

Mưa lũ không chỉ gây ra những sạt lở, thiệt hại nghiêm trọng về con người, công trình nuôi thuỷ sản mà còn làm thay đổi đột ngột các yếu tố môi trường nước như nhiệt độ, pH, độ mặn, hàm lượng oxy hòa tan và làm gia tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh, gây thiệt hại cho nuôi trồng thủy sản. Để giảm thiểu rủi ro, người nuôi thuỷ sản cần chủ động thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống trước, trong và sau mưa lũ như sau:

Lắp đặt lưới chắn nhằm hạn chế thất thoát thủy sản khi nước dâng cao

1. Trước mưa lũ

Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để chủ động xây dựng phương án ứng phó.

Kiểm tra, gia cố bờ ao, bờ đầm, cống cấp và thoát nước; sửa chữa các vị trí rò rỉ, sạt lở; lắp đặt lưới chắn hoặc đăng chắn nhằm hạn chế thất thoát thủy sản khi nước dâng cao. Đảm bảo bờ ao/lưới chắn cao hơn mực nước lũ cao nhất ít nhất 0,5m.

Khơi thông hệ thống thoát nước, chuẩn bị máy bơm để tiêu úng khi cần thiết.

Kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị phục vụ nuôi như máy quạt nước, máy sục khí, máy phát điện dự phòng và nguồn nhiên liệu.

Duy trì mực nước ao phù hợp, hạn chế để nước quá đầy trước khi có mưa lớn.

Rải vôi xung quanh bờ ao với liều lượng 40-50 kg/1000 m^2.

Bổ sung vitamin C, khoáng chất, chế phẩm sinh học và thức ăn chất lượng nhằm tăng sức đề kháng cho vật nuôi.

Chuẩn bị sẵn vật tư, hóa chất được phép sử dụng như vôi, chế phẩm xử lý môi trường, thuốc sát trùng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

2. Trong thời gian mưa lũ

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, tình trạng ao nuôi và sức khoẻ vật nuôi để xử lý kịp thời.

Hạn chế hoặc giảm lượng thức ăn từ 30–50%; tạm ngừng cho ăn khi mưa lớn kéo dài hoặc khi vật nuôi có biểu hiện giảm bắt mồi.

Vận hành máy quạt nước, máy sục khí liên tục nhằm duy trì hàm lượng oxy hòa tan, phân tầng nước, đặc biệt vào ban đêm và sáng sớm.

Thường xuyên kiểm tra các chỉ tiêu môi trường: pH, oxy hòa tan, độ kiềm; sử dụng vôi, khoáng hoặc chế phẩm xử lý môi trường theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.

Không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường; hạn chế lấy nước từ bên ngoài vào ao trong thời điểm nước lũ bị ô nhiễm.

Thường xuyên kiểm tra bờ ao, cống, lưới chắn để phòng ngừa vỡ bờ và thất thoát vật nuôi.

Đảm bảo an toàn cho người lao động, đặc biệt là các thiết bị điện sử dụng trong quá trình nuôi.

3. Sau mưa lũ

Kiểm tra tổng thể ao nuôi, hệ thống bờ bao, cống, lưới chắn và khắc phục ngay các hư hỏng. Thu gom xác động vật thủy sản chết, xử lý đúng quy định.

Kiểm tra chất lượng nước và xử lý môi trường ao nuôi bằng vôi bột với liều lượng 50-60kg/1000 m^2 hoặc chế phẩm sinh học và các sản phẩm được phép sử dụng.

Thực hiện thay nước từng phần khi điều kiện cho phép, tránh thay nước đột ngột gây sốc cho vật nuôi.

Bổ sung vitamin, khoáng chất và men tiêu hóa để giúp vật nuôi nhanh hồi phục, tăng sức đề kháng.

Theo dõi sức khỏe vật nuôi; nếu phát hiện dấu hiệu bất thường hoặc nghi ngờ dịch bệnh cần báo ngay cho cơ quan chuyên môn hoặc chính quyền địa phương để được hướng dẫn xử lý.

Đối với diện tích bị thiệt hại nặng, cần vệ sinh, cải tạo ao nuôi, xử lý môi trường và chỉ thả nuôi trở lại khi đủ điều kiện an toàn.

Cán bộ khuyến nông hướng dẫn bà con khôi phục sản xuất sau mưa lũ

ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Kỹ thuật thâm canh tổng hợp cho CÂY MÍT VÙNG TRỒNG CHÍNH Ở CÁC TỈNH PHÍA NAM

(Phần 1)

1. Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh

- Nhiệt độ: từ 20 - 32^{0}C.

- Mưa và độ ẩm: lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.000 - 2.400 mm/năm, ẩm độ từ 70 - 75%.

- Ánh sáng: thời gian chiếu sáng từ 2.000 - 2.500 giờ/năm.

- Đất đai: cây mít có thể trồng ở nhiều loại đất khác nhau, nhưng sinh trưởng và phát triển tốt trên những loại đất tơi xốp, giàu dinh dưỡng và thoát nước tốt. Độ pH đất thích hợp từ 5 - 7,5.

- Địa hình và gió: Thích hợp trồng ở nhiều địa hình khác nhau đến độ cao khoảng 1.600 m so với mặt nước biển, vùng ít gió.

2. Kỹ thuật trồng và chăm sóc

a. Thiết kế vườn trồng

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

+ Khu vực đất thấp, vườn trồng mít cần lên liếp, đắp mô. Tùy diện tích vườn, thiết kế liếp trồng rộng từ 3 - 6 m; mương liếp rộng từ 1 - 2 m và độ sâu 0,8 - 1 m; lên liếp theo kiểu kê đất bằng cách đào lớp đất mặt giàu dinh dưỡng đưa lên mặt liếp, lớp đất sâu làm chân liếp, kết hợp đào mương sâu để thoát phèn. Mô trồng có đường kính mặt mô 0,4 - 0,6 m và đường kính đáy mô từ 0,8 - 1 m, chiều cao mô ≥ 0,5 m (hàng năm bồi đắp, mở rộng mô theo tán cây).

+ Đối với những khu vực tương đối cao có thể không cần lên liếp nhưng phải thiết kế mương thoát nước và đắp mô. Kích thước mương thoát nước rộng từ 0,8 - 1,2 m và độ sâu 0,6 - 0,8 m. Mô trồng có đường kính mặt từ 0,6 - 0,8 m và đường kính đáy mô từ 0,8 - 1 m, chiều cao mô ≥ 0,5 m (hàng năm bồi đắp, mở rộng mô theo tán cây).

Lưu ý: Vườn trồng mít cần nằm trong vùng có đê bao khép kín để ngăn lũ vào mùa mưa và xâm nhập mặn trong mùa khô. Vườn có nguy cơ bị xâm nhập mặn, cần thiết kế mương trữ nước ngọt.

- Vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên:

+ Đối với những vùng trũng, thấp thì thiết kế mương liếp và đắp mô trồng tương tự như vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Đất bằng phẳng có độ dốc thấp (< 5^0) thiết kế lô trồng theo kiểu bàn cờ, đào rãnh cạn thoát nước giữa 2 - 3 hàng mít (rộng 0,2 - 0,3 m, sâu 0,1 – 0,2 cm).

+ Đất đồi dốc (≥ 5^0) bố trí hàng thành đường đồng mức để giảm xói mòn.

- Lưu ý: Khi thiết kế vườn trồng cần quy hoạch đường giao thông nội đồng.

b. Tiêu chuẩn cây giống

- Giống: Phổ biến hiện nay thuộc nhóm mít sớm/siêu sớm (mít Siêu sớm, Lá bàng, Viên Linh, ruột đỏ và các giống thuộc nhóm mít ta,...).

- Tiêu chuẩn: Giống được nhân giống vô tính từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng và đạt tiêu chuẩn được công nhận. Chọn cây ghép khỏe, gốc thẳng đứng, cây xanh tốt, không bị sâu bệnh. Chiều cao cây ≥ 40 cm tính từ vị trí ghép, đường kính thân 1,5 - 3 cm.

c. Mật độ và khoảng cách trồng

- Giống cho quả sớm (Siêu sớm, Lá bàng, Viên linh, Ruột đỏ) trồng với khoảng cách 4 x 5 m hoặc 5 x 5 m, tương ứng mật độ 400 – 500 cây/ha. Có thể trồng với khoảng cách dày hơn 3 - 4 x 3 - 4 m tương ứng mật độ từ 625 - 1.111 cây/ha, sau khi khai thác 5 - 7 năm thì chặt bỏ cây ở giữa để đảm bảo mật độ 400 - 500 cây/ha.

- Giống cho quả muộn (mít ta) trồng với khoảng cách 6 - 8 x 6 - 8 m, tương ứng mật độ trồng 156 - 277 cây/ha.

d. Đào hố trồng và bón lót

- Chuẩn bị hố trồng: Vườn có đắp mô: đào hố trên mô có đường kính khoảng 40 cm, độ sâu hố khoảng 40 cm; vườn không đắp mô: địa hình vườn bằng phẳng có độ dốc (< 5^0) đào hố với kích thước 40 x 40 x 40 cm, vườn có độ dốc (> 5^0) đào hố với kích thước 40 x 40 x 60 cm.

- Bón lót: Bón lót trước khi trồng 3 - 4 tuần, lượng phân bón cho mỗi hố gồm 10 - 30 kg phân chuồng hoai mục hoặc 5 - 6 kg phân hữu cơ vi sinh + 0,5 kg phân lân + 0,5 kg vôi. Trộn đều với đất đào từ hố, sau đó lấp lại.

đ. Thời vụ và kỹ thuật trồng

- Thời vụ trồng:

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời vụ trồng từ tháng 6 - 7 dương lịch. Vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên thời vụ trồng từ tháng 6 - 8 dương lịch.

- Kỹ thuật trồng:

+ Đặt cây vào giữa hố và dùng dao cắt đáy bầu, sau đó rạch theo chiều dọc của bầu để kéo bao nilon lên và lấp đất lại ngang mặt bầu, tưới nước. Khi đặt cây phải xoay mắt ghép hướng về chiều gió chính để tránh tách chồi ghép. Sau trồng cần cắm cọc cố định cây con.

Nguyễn Thị Hiệp - 0919.026.09:02:04 - hiepnt - hoanh

+ Đối với đất vườn lên mô, đất bằng phẳng hoặc có độ dốc thấp (< 5^0) thì trồng mặt bầu ngang hoặc cao hơn mặt đất (mặt mô). Đối với đất có độ dốc cao (> 5^0) trồng mặt mặt bầu thấp hơn mặt đất.

e. Chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản

- Tưới nước, làm cỏ: Thường xuyên tưới nước và tủ gốc duy trì ẩm độ 70 - 75%. Làm sạch cỏ xung quanh gốc, đối với cỏ khu vực ngoài tán cây cần cắt cỏ định kỳ 1 - 2 tháng/lần. Tránh sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học để diệt cỏ. Lưu ý độ mặn trong nước tưới phải < 0,5‰.

Giai đoạn kiến thiết cơ bản có thể trồng xen với một số cây ngắn ngày hoặc cây họ đậu để che phủ và cải tạo đất. Lưu ý, cây trồng xen không cạnh tranh dinh dưỡng, nước, ánh sáng với cây trồng chính.

- Tỉa cành, tạo tán: Mít là cây ra hoa trong thân, tạo tán dạng hình dù (khống chế đọt) và tỉa cành vô hiệu phạm vi 40% bán kính tán gần thân chính.

Đối với vườn trồng mật độ cao (> 625 cây/ha), khi cây giao tán tiến hành tỉa toàn bộ cành cấp 1 từ gốc đến vị trí cách ngọn khoảng 2 m để tạo thông thoáng cho vườn. Bắt đầu tạo tán dạng hình dù vào năm thứ 2 sau khi trồng, đối với vườn chưa cho quả tỉa cành 2 - 3 lần/năm, đối với vườn đã cho quả thì thực hiện 1 lần/năm ngay sau khi thu hoạch. Lưu ý, sau khi tỉa cành cần phun thuốc bảo vệ thực vật ngừa nấm bệnh tấn công vết thương.

- Bón phân:

+ Phân hữu cơ: Bón 10 - 15 kg phân chuồng hoai mục, bón 1 lần vào đầu mùa mưa hoặc bón 1 - 1,5 kg phân hữu cơ vi sinh/cây/năm, chia thành nhiều lần bón. Kết hợp sử dụng nấm Trichoderma ủ với phân hữu cơ hoặc phân Humic và nấm Trichoderma trộn đều với phân hữu cơ vi sinh để bón, liều lượng theo khuyến cáo trên bao bì.

+ Phân vô cơ: có thể sử dụng phân đơn (Urê, super lân/lân nung chảy, kali) hoặc phân phức hợp N-P-K để bón cho cây giai đoạn kiến thiết cơ bản. Lượng phân bón là 300 - 450g N + 250 - 500g P_2O_5 + 250 - 600g K_2O ***(tham khảo Bảng 1)***.

Lưu ý chọn phân lân có nguồn gốc và thành phần rõ ràng, đảm bảo chất lượng và bón đúng lượng nhằm kiểm soát dư lượng cadimi trong đất.

+ Bón vôi: 1 kg/cây/năm vào đầu mùa mưa với đất có pH thấp. Nếu đất có pH > 6,5 không nên bón vôi.

Cách bón: phân chuồng hoai mục, phân hữu cơ có thể xới nhẹ vùng rễ và bón vào giai đoạn lá bánh tẻ (lá lụa), sau đó tưới nước. Phân vô cơ được bón từ 4 - 6 lần/năm (2 - 2,5 tháng/lần), cây dưới 6 tháng tuổi có thể hoà tan phân vô cơ vào nước để tưới vào vùng rễ, sau đó tưới nước đẫm.

g. Chăm sóc thời kỳ kinh doanh

- Tưới nước: Có thể tưới với chu kỳ 3 - 5 ngày/lần trong mùa khô. Giai đoạn cây ra hoa (vào mùa khô) cần tưới nước cách ngày, sau đó giảm lượng nước bằng 2/3 vào 1 tuần trước khi hoa nở hoa (chu kỳ tưới cách ngày) để tăng thụ phấn và đậu quả. Sau đậu quả chu kỳ tưới như bình thường.

- Tỉa cành, tạo tán: sau thu hoạch, tỉa các cành mọc vượt, cành bị sâu bệnh, cành suy yếu,... Tỉa tạo tán dạng hình dù (khống chế đọt) và tỉa cành vô hiệu phạm vi 40% bán kính tán gần thân chính

(tỉa thưa cành). Đối với vườn trồng dày, mật độ cao tỉa toàn bộ cành cấp 1 từ gốc đến vị trí cách ngọn khoảng 2 m (tỉa trụi cành). Lưu ý vị trí cắt tỉa cành cách thân chính khoảng 5 cm.

- Bón phân:

+ Phân hữu cơ: Sử dụng từ 15 - 30 kg/cây/năm hoặc phân hữu cơ vi sinh 1,5 - 2,0 kg/cây/năm.

+ Phân vô cơ: cây 4 - 6 năm tuổi: bón 500 - 700g N + 600 - 800g P_2O_5 + 700 - 1.000g K_2O. Cây > 6 năm tuổi: lượng phân bón là 600g N + 800g P^2O^5 + 1.000g K_2O. Lượng phân có thể tăng, giảm 20 - 30% tuỳ theo năng suất thu hoạch vụ trước và tình hình sinh trưởng của cây ***(tham khảo Bảng 2).***

+ Bón vôi: sử dụng vôi nông nghiệp (Can-xi), bón 0,5 - 1 kg/cây/năm.

+ Phân bón lá: dùng loại có tỷ lệ N: P_2O_5: K_2O trong phân bón lá phù hợp cho giai đoạn sau thu hoạch là 1: 1: 1; giai đoạn trước ra hoa là 1: 2: 1; giai đoạn nuôi quả là 1: 1: 3, có thể sử dụng thêm các loại phân chứa nguyên tố trung vi lượng như Ca, Mg, Bo, S,... theo liều lượng khuyến cáo trên bao bì. Phun vào sáng sớm khi trời không mưa.

+ Cách bón và thời kỳ bón phân: chia thành 5 lần bón tương ứng với 5 giai đoạn như sau: ***(tham khảo Bảng 3).***

Lần 1 (giai đoạn sau thu hoạch): bón toàn bộ vôi ngay sau khi thu hoạch, khoảng 7 - 10 ngày sau bón toàn bộ phân chuồng hoai mục hoặc phân hữu cơ vi sinh. Bón phân vô cơ lần 1 kết hợp phun các loại phân bón lá có tỷ lệ N:P_2O_5:K_2O tương ứng là 1:1:1.

Lần 2 (giai đoạn trước khi ra hoa): trước khi xử lý ra hoa từ 7 - 10 ngày bón phân vô cơ lần 2, tưới đẫm để cây hấp thu phân bón, sau đó tiến hành tạo khô hạn bằng cách ngưng tưới nước để xử lý ra hoa. Kết hợp phun phân bón lá có tỷ lệ N:P_2O_5:K_2O là 1:2:1 hoặc các loại phân bón lá có lân và kali cao theo liều khuyến cáo trên bao bì.

Lần 3 (bón đón hoa vụ chính): bón khi nhú mầm hoa đến trước khi hoa nở, phun các loại phân bón lá chứa Canxi Bo + kali theo khuyến cáo để tăng tỷ lệ đậu quả.

Lần 4 (giai đoạn 30 ngày sau khi đậu quả): kết hợp phun phân bón lá có tỷ lệ N:P_2O_5:K_2O là 1:1:3, và các loại phân bón lá có chứa Mg, Ca, S,... theo liều lượng khuyến cáo trên bao bì.

Lần 5 (giai đoạn 60 ngày sau đậu quả): bón phân vô cơ lần 5, kết hợp phun phân bón lá có tỷ lệ N:P_2O5:K_2O là 1:1:3, kết hợp các loại phân bón lá có chứa Mg, Ca, S,... theo liều lượng khuyến cáo trên bao bì.

- Xử lý ra hoa: đối với giống siêu sớm xử lý ra hoa ở thời điểm 18 tháng sau khi trồng. Đối với giống chậm cho quả (nhóm mít ta) xử lý ra hoa ở thời điểm 36 tháng sau khi trồng. Thực hiện theo các bước sau:

+ Bước 1 (chặn đọt): trước khi xử lý ra hoa nên bón lân và kali theo tỷ lệ 3:1, lượng bón từ 0,2 - 0,4 kg/cây (tùy vào sinh trưởng của cây), rải xung quanh tán, cách gốc 20 - 30 cm. Tưới nước bình thường liên tục khoảng 7 ngày để phân tan.

+ Bước 2 (xiết nước): sau khi bón phân vô cơ đợt 2 được 7 - 10 ngày, ngưng tưới nước (tạo khô hạn), đối với vùng đất thấp có lên liếp như Đồng bằng sông Cửu Long thì đồng thời rút nước trong mương vườn cách mặt liếp 0,6 - 0,8 m. Thời gian xiết nước từ 15 - 20 ngày đến khi thấy lá trên cây héo lại (xào lá) thì dừng.

+ Bước 3 (cắt tỉa cành): sau khi rải phân lân 10 - 15 ngày, bắt đầu tỉa cành. Nên tỉa bỏ những cành cách gốc 0,5 - 0,8 m, cành tăm, cành vô hiệu, cành trong tán, giúp cây thông thoáng, tập trung dinh dưỡng để ra hoa. Vì nếu tỉa cành quá sớm cây xuất hiện chồi vượt, không tập trung ra hoa. Nếu tỉa trễ quá thì xử lý hoa sẽ không đạt.

+ Bước 4 (tạo mầm hoa): phun phân bón lá có hàm lượng lân và kali cao để giúp cây phân hóa mầm hoa.

Lần 1: phun phân bón lá có hàm lượng lân cao kết hợp phân bón lá có trung vi lượng. Phun khi lá cây chuyển sang lá lụa khoảng 30 - 45% có màu xanh đậm và dày.

Lần 2: phun phân bón lá có hàm lượng lân cao kết hợp với phân bón lá có hàm lượng kali cao. Phun sau lần 1 khoảng 7 ngày, giai đoạn này chỉ phun ở vị trí trong thân và cành chính, những nơi muốn cho ra hoa, không phun hết toàn bộ cây.

+ Bước 5 (ra hoa): sau khoảng 20 ngày kể từ rải lân thì cây xuất hiện nụ, lúc này tiến hành tưới nước trở lại và phun bổ sung một số loại phân bón lá chứa canxi, bo, kali để tăng tỷ lệ đậu quả.

Lưu ý: Sử dụng phân bón lá theo liều lượng khuyến cáo của nhà sản xuất, tuyệt đối không tăng liều.

- Tỉa quả: tiến hành từ khi cây ra nụ hoa đến giai đoạn 30 ngày sau đậu quả. Các bước chọn quả được tiến hành như sau:

+ Bước 1 (chọn nụ/hoa): loại bỏ bớt những nụ hoa mọc thành từng cụm, chỉ chọn lại 1 phát hoa to, phát triển vượt trội nhất.

+ Bước 2 (chọn quả lần 1): sau khi đậu quả khoảng 20 ngày tiến hành tỉa/chọn quả lần 1. Chọn quả tròn đều, vỏ quả sáng đẹp, quả có cuống to, màu vàng sáng, mọc trong thân hoặc cành cấp 1, trong đoạn cách thân khoảng 50 cm, tuy nhiên nếu cành cấp 1 có đường kính to (> 10 cm) thì vẫn có thể chọn quả xa thân hơn (không bị gãy hay cành bị cong xuống). Trong mùa mưa ưu tiên chọn những quả trên cao cách mặt đất ít nhất 1 m. Số quả được chọn cần gấp đôi số quả sẽ chọn ở lần chọn quả thứ 2, tùy thuộc vào khả năng sinh trưởng của cây.

+ Bước 3 (chọn quả lần 2): khi quả được khoảng 30 ngày tuổi tiến hành chọn quả lần 2 (lần cuối). Chọn quả phát triển tốt nhất, tròn đều, vỏ quả sáng, không bị dịch hại tấn công. Loại bỏ những quả có vòng cuống quả nhỏ, quả có cuống dài (14 - 15 cm). Sau khi hoàn thành tỉa quả, tiến hành bao quả. Số lượng quả giữ lại trên cây phụ thuộc vào khả năng sinh trưởng của cây (cây cho quả năm đầu tiên chỉ giữ lại 1 - 2 quả/cây, từ năm thứ 2 giữ lại 3 - 5 quả/cây và tăng dần theo các năm.

Bảng 1: Lượng phân bón vô cơ thời kỳ kiến thiết cơ bản (g/cây/năm)

Tuổi cây (năm)	Số lần bón/năm	Liều lượng N-P-K (g/cây/năm)			Lượng phân (g/cây/năm)		
		N	P_2O_5	K_2O	Urê	Super lân/lân nung chảy	Kali Sunphat
1	4 - 6	300	250	250	650	1.400	500
2	4 - 6	400	400	400	850	2.200	800
3	4 - 6	450	500	600	1.000	2.800	1.200

Bảng 2: Lượng phân bón vô cơ thời kỳ kinh doanh (g/cây/năm)

Tuổi cây (năm)	Liều lượng N-P-K (g/cây/năm)			Lượng phân (g/cây/năm)		
	N	P_2O_5	K_2O	Urê	Super lân/lân nung chảy	Kali Sunphat
4	500	600	700	1.100	3.300	1.400
5	600	700	800	1.300	3.900	1.600
6	700	800	1.000	1.500	4.450	2.000
>	700	800	1.000	1.500	4.450	2.000

Bảng 3: Tỷ lệ bón phân vô cơ thời kỳ kinh doanh theo giai đoạn

Lần bón	Thời điểm bón	Tỷ lệ bón (%)		
		N	P_2O_5	K_2O
Lần 1	Giai đoạn sau thu hoạch	25	33,3	0
Lần 2	Trước khi xử lý ra hoa	25	33,3	25
Lần 3	Bón đón hoa vụ chính	0	33,4	25
Lần 4	Sau đậu quả 30 ngày	25	0	25
Lần 5	Sau đậu quả 60 ngày	25	0	25

(Còn tiếp ...)

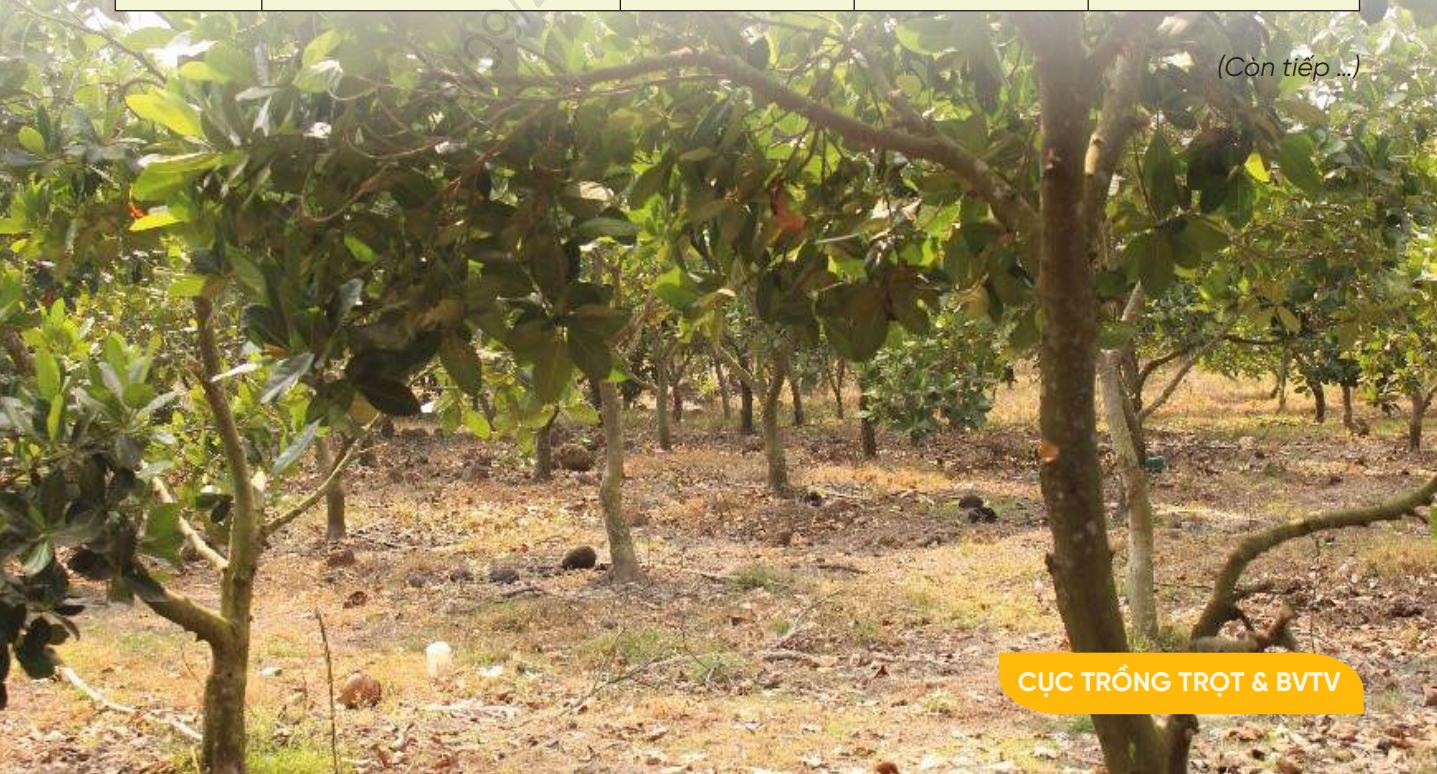

NGHỊ QUYẾT 36/2026/NQ-CP

ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

VỀ CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

DỄ HƠN CHO NGƯỜI DÂN | **NHANH HƠN** CHO XUẤT KHẨU | **MINH BẠCH HƠN** CHO NÔNG NGHIỆP VIỆT

5 ĐIỂM MỚI NỔI BẬT - LỢI ÍCH CHO NGƯỜI DÂN

3 NGÀY KHÔNG XUẤT KHẨU
Tối đa 03 ngày làm việc để có thông báo cấp mã số vùng trồng nếu không xuất khẩu.

10 NGÀY XUẤT KHẨU
Tối đa 10 ngày làm việc để có thông báo cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu.

NỘP HỒ SƠ 100% TRỰC TUYẾN
Nộp hồ sơ, theo dõi kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, không cần đi lại, không giấy tờ rườm rà.

KHÔNG PHẢI XIN LẠI MÃ
Muốn xuất khẩu sang thị trường khác, chỉ cần đăng ký thêm, giữ nguyên mã số cũ

ĐỔI TÊN, ĐỔI ĐỊA CHỈ 2 NGÀY
Thay đổi thông tin đơn giản, cấp lại mã số nhanh chóng trong 02 ngày làm việc.

NHỮNG THAY ĐỔI QUAN TRỌNG SO VỚI TRƯỚC ĐÂY

TRƯỚC ĐÂY	NAY (theo Nghị quyết 36)
Tiền kiểm là chính	Hậu kiểm là chính, giảm thủ tục, tăng hiệu quả
Nhiều cấp xét duyệt, nhiều giấy tờ	UBND xã là đầu mối giải quyết, thủ tục đơn giản
Khó tra cứu, quản lý thủ công	Số liệu số hóa, công khai trên Cổng thông tin điện tử
Muốn thêm thị trường phải làm lại từ đầu	Đăng ký thêm thị trường nhưng vẫn giữ nguyên mã số
Chủ yếu xử lý bằng giấy tờ	Toàn trình trên môi trường mạng

4 BƯỚC ĐƠN GIẢN ĐỂ CÓ MÃ SỐ

1 NỘP HỒ SƠ
Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

2 UBND XÃ TIẾP NHẬN
UBND xã kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần)

3 NHẬN MÃ SỐ
Nhận thông báo cấp mã trong 3 ngày (không xuất khẩu) hoặc 10 ngày (có xuất khẩu)

4 SỬ DỤNG MÃ SỐ
Sử dụng mã số khi xuất khẩu, giúp truy xuất nguồn gốc, tăng uy tín sản phẩm

AI ĐƯỢC CẤP MÃ SỐ?

- Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình
- Cơ quan, nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vùng trồng, cơ sở đóng gói
- Khuyến khích liên kết, hình thành vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

Trường hợp nào được cấp mã số vùng trồng trong 3 ngày?
Thời hạn 3 ngày áp dụng cho trường hợp không đăng ký xuất khẩu sang thị trường yêu cầu mã.

Thông báo cấp mã số vùng trồng sang thị trường yêu cầu mã có lâu không?
Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

Mã số vùng trồng có thay thế quyền sử dụng đất không?
Không. Mã số chỉ phục vụ quản lý; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, không thay thế quyền sử dụng đất.

LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Nộp hồ sơ đúng, đầy đủ thông tin để được cấp mã nhanh nhất
- Thông tin kê khai phải trung thực, đúng thực tế
- Tuân thủ yêu cầu kỹ thuật của nước nhập khẩu (nếu có)
- Mã số có thể bị thu hồi nếu vi phạm quy định hoặc gian lận thông tin

LỢI ÍCH CHO NÔNG NGHIỆP VIỆT

- Thủ tục đơn giản, tiết kiệm thời gian và chi phí
- Minh bạch, dễ truy xuất nguồn gốc
- Tăng cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu
- Nâng cao uy tín nông sản Việt

ĐƠN GIẢN HÔM NAY – NÂNG TẦM NÔNG SẢN VIỆT NGÀY MAI!

Rộn ràng mùa Vải thiều

Sầu riêng Việt

từ nhà máy đến thị trường toàn cầu

www.khuyennongvn.gov.vn

Quét để tải tài liệu